

CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM

8002

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH MAY MẶC

UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG SỐ 10, KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I, XÃ  
PHƯỚC THIÊN, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

ĐỒNG NAI, THÁNG 05 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM

8002

**ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**

**CỦA CƠ SỞ**

**CÔNG TY TNHH MAY MẶC**

**UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM**

**ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG SỐ 10, KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I, XÃ  
PHƯỚC THIÊN, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**ĐỒNG NAI, THÁNG 05 NĂM 2024**

Số: .....  
V/v Đăng ký môi trường cho Công ty TNHH  
May mặc United Sweethearts Việt Nam

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2024

**Kính gửi Ủy ban nhân dân xã Phước Thiện**

Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam là chủ đầu tư của Cơ sở “Nhà máy Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Theo Văn bản số 875/KCNĐN-MT của Ban quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai ngày 15/04/2024 về việc ý kiến đối với đề nghị hướng dẫn thủ tục môi trường của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam thì Công ty không thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường mà thuộc đối tượng phải thực hiện Đăng ký môi trường tại UBND cấp xã.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam: Đường số 10, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số Cơ sở: 542103756 do Ban Quản ký các KCN tỉnh Đồng Nai cấp; chứng nhận lần đầu ngày 23/04/2021; Chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 11/08/2020; Chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 07/07/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn May mặc United Sweethearts Việt Nam, mã số doanh nghiệp 3600497815: Do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; Đăng ký lần đầu ngày 23/04/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/06/2022

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts: Ông Lee Gie Yeong.

- Điện thoại: 02513560706

Fax: 02513560709

Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam thực hiện đăng ký môi trường với các nội dung sau:

**1. Thông tin chung về cơ sở**

- Tên cơ sở: Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam.
- Địa điểm thực hiện cơ sở: Đường số 10, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Nguồn vốn: Tổng vốn đầu tư của cơ sở 48.150.000.000 đồng; tương đương 3.000.000 đô la Mỹ.
- Tiến độ thực hiện: Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2003
- Các hạng mục công trình cơ sở: Cơ sở được xây dựng trên lô đất 31.767 m<sup>2</sup> tại Đường số 10, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay, các công trình nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà bảo trì và một số công trình phụ trợ khác đã được xây dựng hiện hữu tại cơ sở. Các hạng mục công trình tại cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 1. Hạng mục công trình của Cơ sở**

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích
<b>I</b>	<b>Giai đoạn 1</b>		
1	Văn phòng	m <sup>2</sup>	1.008
1.1	Văn phòng chính	m <sup>2</sup>	1.008
1.2	Kí túc xá (tầng 1)	m <sup>2</sup>	1.008
2	Nhà xưởng 1/D	m <sup>2</sup>	6.580
3	Khu vực để máy nén khí và phát điện	m <sup>2</sup>	36
4	Nhà để xe	m <sup>2</sup>	726
5	Trạm bơm PCCC	m <sup>2</sup>	10
6	Đường giao thông và cây xanh	m <sup>2</sup>	2773
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2</b>		
1	Nhà kho nguyên phụ liệu	m <sup>2</sup>	3.705
2	Phòng bảo trì	m <sup>2</sup>	464,4
3	Căn tin	m <sup>2</sup>	2.993
4	Nhà xe	m <sup>2</sup>	485,75
5	Nhà vệ sinh + kho	m <sup>2</sup>	82,56
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 3</b>		
1	Nhà xưởng mới	m <sup>2</sup>	4.700
1.1	Tầng hầm để xe máy	m <sup>2</sup>	3.027

Báo cáo đăng ký môi trường

1.2	Tầng trệt nhà xưởng sản xuất	m <sup>2</sup>	4.368
1.3	Tầng 1 nhà xưởng sản xuất	m <sup>2</sup>	4.700
1.4	Tầng 2 nhà xưởng sản xuất	m <sup>2</sup>	4.700
2	Nhà để máy phát điện, nồi hơi, máy nén khí, phòng máy biến áp.	m <sup>2</sup>	168
3	Nhà bảo vệ	m <sup>2</sup>	64
4	Nhà vệ sinh bên ngoài	m <sup>2</sup>	231
5	Khu vực lò hơi	m <sup>2</sup>	32
6	Trạm biến áp	m <sup>2</sup>	20
7	Khu vực máy nén khí	m <sup>2</sup>	40
8	Khu vực máy phát điện	m <sup>2</sup>	56
9	Trạm bơm	m <sup>2</sup>	20
10	Bể chứa nước dự trữ	m <sup>2</sup>	166,442
11	Nhà rác	m <sup>2</sup>	40
12	Đường giao thông và cây xanh	m <sup>2</sup>	7.366
<b>Tổng cộng</b>		<b>m<sup>2</sup></b>	<b>31.767</b>

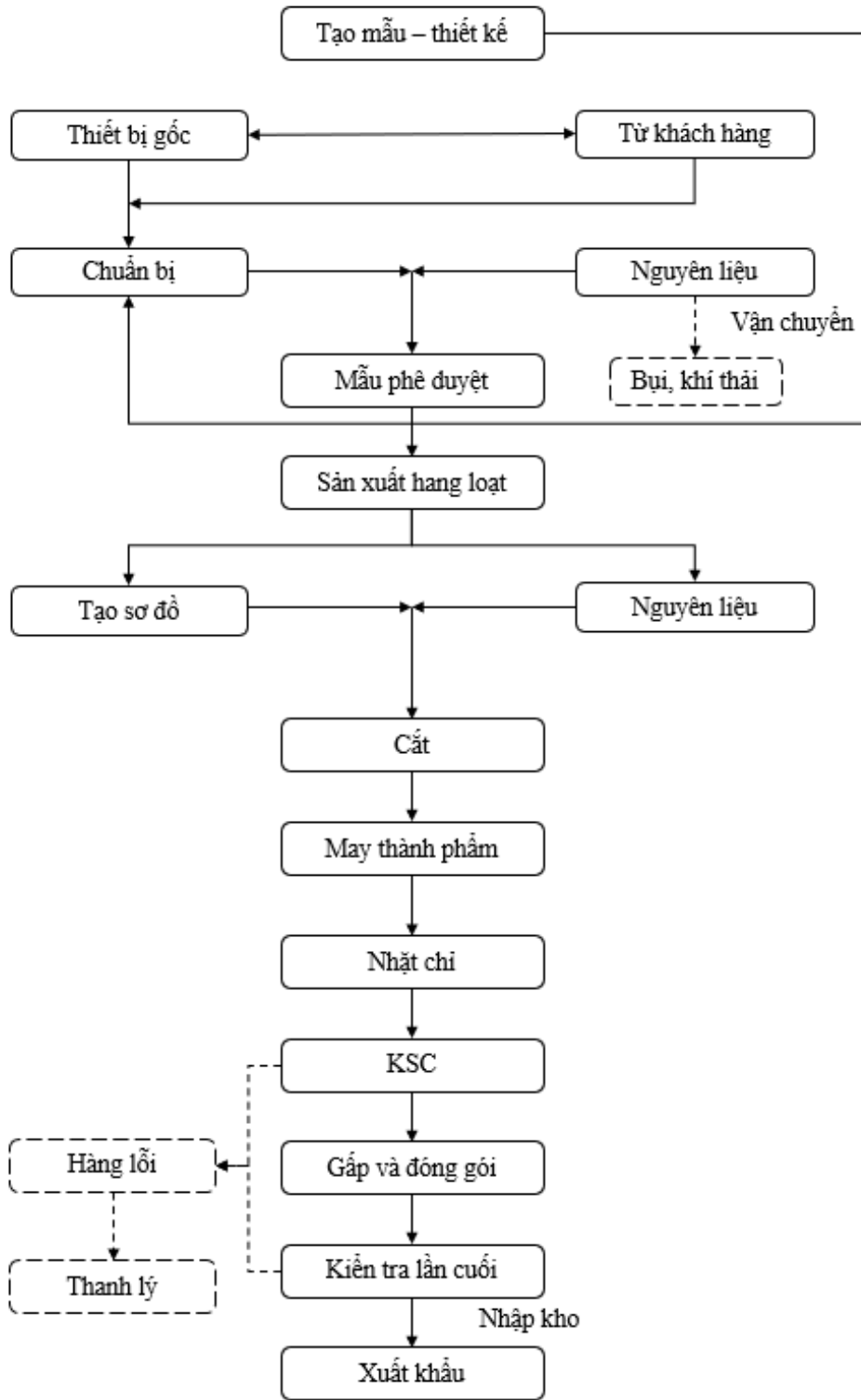
(Nguồn: Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam)

- Quy mô, công suất, công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:

+ Quy mô, công suất của cơ sở: Sản xuất các sản phẩm may mặc với quy mô 6.500.000 sản phẩm/năm.

+ Công nghệ sản xuất của cơ sở: Sản xuất các sản phẩm may mặc.

Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm may mặc như sau:



**Hình 1. Quy trình sản xuất**

Ghi chú: -----> : Đường chất thải

————> : Đường nguyên, vật liệu đầu vào

**Thuyết minh quy trình:**

• **Bước 1: Chuẩn bị sản xuất**

Bao gồm tất cả các công việc chuẩn bị về tiêu chuẩn kỹ thuật, về mẫu, về công nghệ, về yêu cầu của khách hàng trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt cùng với kiểm tra, đo đếm nguyên phụ liệu.

- + Kiểm tra đo đếm nguyên phụ liệu
- + Chuẩn bị sản xuất về mặt thiết kế.
- + Chuẩn bị sản xuất về mặt công nghệ.

Nguyên vật liệu được vận chuyển về nhà máy nhờ các xe tải dung tích lớn được tập trung tại kho chứa tại nhà máy hiện hữu.

**• Bước 2: Công đoạn chia cắt**

Bao gồm trải vải và cắt nguyên liệu, phụ liệu và một số công việc cần làm trước khi bắt đầu giai đoạn may. Cụ thể là vải được trải lên bàn cắt thành nhiều lớp để cắt ra tấm vải có kích thước theo mẫu, theo các hình rập có sẵn do bộ phận mẫu thiết kế. Sau khi vải được cắt xong và chuyển qua khâu vắt sỏ. Sau quá trình vắt sỏ sẽ chuyển qua công đoạn may. Ở công đoạn này sẽ phát sinh bụi vải, chất thải rắn là vải và tiếng ồn từ các thiết bị.

**• Bước 3: Công đoạn ráp nối, may**

Qua công đoạn may, vải được cắt sẽ ráp thành mẫu định hình và được may theo từng chuyên. Bao gồm quá trình may các chi tiết, ủi định hình các chi tiết, ủi tạo hình và lắp sản phẩm. Ở công đoạn may sẽ phát sinh tiếng ồn từ máy may.

**• Bước 4: Công đoạn hoàn chỉnh sản phẩm**

Kết thúc công đoạn may, bản thành phẩm sẽ được cắt chỉ và nhặt chỉ thừa, bao gói và đóng kiện. Khâu nhặt chỉ sẽ phát sinh một lượng chất thải rắn là chỉ thừa trong công đoạn may.

**• Bước 5: Kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Được thực hiện sau công đoạn nhặt chỉ là quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm và sau công đoạn gấp và đóng gói sản phẩm. Đây là khâu kiểm tra chất lượng cuối cùng trước khi xuất xưởng. Chất lượng sản phẩm không những phụ thuộc vào một công nghệ hoàn hảo mà còn phụ thuộc vào việc giữ đúng các quy định về những tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình sản xuất. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, trong tất cả các công đoạn sản xuất phải tiến hành kiểm tra chất lượng chặt chẽ. Chất lượng và hiệu quả sản xuất vì thế phụ thuộc rất nhiều vào việc hoàn thiện công nghệ sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm. Một công nghệ sản xuất hoàn hảo sẽ đảm bảo tận dụng được mọi năng

lực thiết bị, tiết kiệm nguyên phụ liệu, sắp xếp các công đoạn hợp lý và quay vòng vốn nhanh.

**Bảng 2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất**

STT	Thiết bị	Mô tả	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy móc thiết bị sản xuất chính (máy may)	Tất cả các máy móc liên quan đến may mặc.	Cái	2900
2	Máy móc thiết bị phụ trợ (bao gồm: máy kiểm vải, máy cắt, máy xả vải, máy thuê, máy kiểm kim)	Máy cán vễ, cắt hoàn chỉnh và phòng thí nghiệm.	Cái	57
3	Thiết bị chuyên chở	Xe hơi và xe nâng	Cái	04
4	Lò hơi	Lấy hơi nóng để ủi	Cái	02

(Nguồn: Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam)



**Hình 2. Một số hình ảnh máy móc tại cơ sở**

## 2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở

### 2.1. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Khối lượng nguyên vật liệu, nhiên liệu và hóa chất sử dụng trong việc sản xuất của nhà máy được thể hiện trong bảng dưới đây:

**Bảng 3. Danh mục nguyên, vật liệu hóa chất và nhiên liệu sử dụng cho cơ sở**

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng/tháng
<b>I</b>	<b>Nguyên liệu chính</b>		
1	Keo ép vải	m <sup>2</sup> /tháng	1.950.000



Báo cáo đăng ký môi trường

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng/tháng
2	Vải dệt kim	m <sup>2</sup> /tháng	260.000
3	Dụng (Mex)	m <sup>2</sup> /tháng	377.000
<b>II</b>	<b>Nguyên liệu phụ</b>		
1	Ruy băng gia ¾	YDS/tháng	65.000
2	Khoen chữ D	YDS/tháng	32.500
3	Băng gai dán vải	YDS/tháng	108.334
4	Chỉ thêu (15.000.000m)	Cuộn/tháng	650
5	Nút chặn dây nút	PCS/tháng	56.334
6	Giấy màu kiểu	PCS/tháng	17.334
7	Băng vi tính cho máy thêu	PCS/tháng	17.334
8	Màng nhựa lụa PVC	-	270
9	Móc treo nhựa	KGS/tháng	3.250
10	Các loại nhãn	Tá/tháng	515.666
11	Khóa ngàm	Tá/tháng	17.334
12	Các loại ngàm	GRS/tháng	13.000
13	Cúc nhựa	GRS/tháng	6.500
14	Khoen trong lỗ rút dây	GRS/tháng	13.000
15	Các loại thun	GRS/tháng	3.250
16	Chi tiết nút	GRS/tháng	6.500
17	Các loại khóa	GRS/tháng	8.666
18	Chốt bấm	GRS/tháng	3.250
19	Dây nút	YDS/tháng	260.00
20	Ống dây	KGS/tháng	3.250
21	Các loại YoKo	KGS/tháng	47.666
22	Dây kéo	PCS/tháng	810.34
23	Băng PVC	PCS/tháng	184.16
24	Các loại băng	YDS/tháng	760.50
25	Đệm vải	Tá/tháng	2.166

Báo cáo đăng ký môi trường

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng/tháng
26	Các loại nút	Tá/tháng	125.666
27	Dây viền cổ	Tá/tháng	2166
28	Khoen tròn	GRS/tháng	30.334
29	Túi nilon 100%	Tá/tháng	2.600
30	Khuy đồng	GRS/tháng	2.166
31	Sổ dán	KGS/tháng	13.000
32	Giấy in số	KGS/tháng	13.000
33	Plastic Fasterner	PCS/tháng	13.000
34	Dây rút hông	PCS/tháng	13.000
35	Đầu khóa ngầm	GRS/tháng	6.500
36	Bộ nút	GRS/tháng	2.384
37	Dây co giãn	Bộ/tháng	11.916
38	Keo silica (thùng 130 lít)	Thùng/tháng	28
39	Logo PVC	Tá/tháng	39.000
40	Chỉ bền (50.000.000m)	Cuộn/tháng	2.166
41	Sợi nilon	KCS/tháng	22
42	Khóa chặt dây	KCS/tháng	54.166
43	Cổ đan TC	Tá/tháng	28.166
44	Bấm lỗ kim	m <sup>2</sup> /tháng	54.166
45	Khoen vuông	PCS/tháng	28.166
46	Tri – glide	PCS/tháng	28.166
47	Giả da	PCS/tháng	28.166
48	Các loại logo	GRS/tháng	5.416
49	Phấn may	PCS/tháng	650
50	Trụ nhựa	GRS/tháng	2.166
51	Đầu bọc dây	Tấn/tháng	0,44
52	Biểu tượng Crogo	Tá/tháng	43.334
53	Sổ hướng dẫn	Tá/tháng	5.416

Báo cáo đăng ký môi trường

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng/tháng
54	Các loại giấy	Kg/tháng	5.416
55	Ruy băng truyền nhiệt	PCS/tháng	3.250
56	Feed dog	PCS/tháng	43.334
57	Dây treo vuông	PCS/tháng	21.666
58	Dây nylon 2mm	Kg/tháng	2.816
59	Móc treo nhỏ	PCS/tháng	21.666
60	Khóa kéo	PCS/tháng	108.334
61	Vải TC	YDS/tháng	13.000
62	Dây trang trí	KGS/tháng	65.000
63	Fiberfill/polyfill	YDS/tháng	86.666
64	Băng xenlulo	Cuộn/tháng	2.816
65	Băng keo	Cuộn/tháng	10.834
66	Nhãn dán	PCS/tháng	22.034
67	Lim nylon	Hộp/tháng	780
68	Băng keo trong	Tuýp/tháng	108
69	Dây đóng gói	Cuộn/tháng	268
70	Băng keo 2 mặt	Tá/tháng	282
71	Hộp/ thùng carton	Tá/tháng	32.500
72	Nút polyester	PCS/tháng	108.334
73	Nút bấm ngầm	GRS/tháng	2.384
74	Giấy mềm	GRS/tháng	434
75	Kẹp măng sét	GRS/tháng	2.166
76	Đầu nhựa	GRS/tháng	2.166
77	Aceton	Lít/tháng	80
<b>III</b>	<b>Nhiên liệu</b>		
1	Dầu DO (sử dụng cho 1 máy phát điện và 1 lò hơi)	Lít/ngày	400

(Nguồn: Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam)



**Hình 3. Nguyên liệu đầu vào của Cơ sở**

**❖ Nhu cầu sử dụng điện**

Cơ sở sử dụng nguồn điện chính được lấy từ lưới điện của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO-URBIZ, hệ thống lưới điện của KCN Nhơn Trạch I. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở năm 2023 khoảng 2.123.836 Kwh/năm.

**❖ Nhu cầu sử dụng nước**

Cơ sở sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty TNHH MTV phát triển Nhà và KCN IDICO để sử dụng cho các hoạt động của cơ sở

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt: Theo TCXDVN 13606:2023 thì lượng nước sử dụng là 45 lít/người/ngày đêm. Hiện tại tổng số lượng nhân viên tại Cơ sở khoảng 3.563 người. Như vậy lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt được tính như sau:

$$Q_{sh} = 2,5 \times 45 \text{ lít/người} \times 3.563 \text{ người} = 400.837 \text{ lít/ngày} \sim 400,84 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nước dùng cho hoạt động sản xuất: Do đặc thù ngành may mặc (không nhuộm) không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất, chỉ sử dụng nước trong lò hơi nhưng nước này được tuần hoàn vào hệ thống và không thải ra ngoài môi trường nên không có nước thải. Hiện nay cơ sở chỉ hoạt động 01 nồi hơi sử dụng dầu DO có công suất 10,4kg/giờ và 01 nồi hơi còn lại chỉ sử dụng hoạt động khi công suất sản xuất tăng. Do vậy lượng nước cấp trung bình khoảng 7m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước sử dụng để tưới cây, tạo ẩm đường nội bộ: Căn cứ theo TCXDVN 13606:2023, theo đó, tiêu chuẩn nước dung cho việc tưới cây, rửa đường là 4 lít/m<sup>2</sup>.

Diện tích cây xanh và đường bộ của cơ sở:  $5.443 + 8.743 = 14.186$  (m<sup>2</sup>)

$$Q_{tc} = 0.004 \times 14.186 = 56,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

- Lượng nước dùng cho chữa cháy (PCCC): theo TCVN 2622:1995 với khu sản xuất kinh doanh dưới 150 ha, chọn số đám cháy  $n = 1$ ,  $q_{cc} = 15$  lít/s và thời gian dập tắt đám cháy là 2h.

$$Q_{cc} = q_{cc} \times t \times n = 15 \times 2 \times 60 \times 60 \times 1 = 108.000 \text{ lít} = 108 \text{ m}^3$$

Như vậy tổng lượng nước mà Cơ sở sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh (không tính nước PCCC) như sau:

**Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở**

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng sử dụng (m <sup>3</sup> /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân nhà máy	400
2	Nước cấp cho tưới cây	56,7
3	Nước cấp cho lò hơi	7
<b>Tổng</b>		<b>463,7</b>

## 2.2. Các sản phẩm của cơ sở

### ❖ Sản phẩm của Cơ sở:

**Bảng 5. Sản phẩm của Cơ sở**

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Sản lượng năm 2023
1	Quần áo thể thao	Cái/năm	3.213.899

## 3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở


### 3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt, công nghiệp)

Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu gồm: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu sinh hoạt chung, nhà vệ sinh trong cơ sở có thể gây ô nhiễm bởi các chất hữu cơ dạng lơ lửng và hòa tan, các vi trùng gây bệnh.

Khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: Lượng nước thải cho sinh hoạt là 400 m<sup>3</sup>/ngày (được tính bằng 100% lượng nước cấp cho sinh hoạt của nhân viên).

### 3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh


#### ❖ Nguồn phát sinh

 Ô nhiễm do giao thông, vận chuyển:

Bụi phát sinh trong quá trình hoạt động vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm của các phương tiện vận tải ra vào Cơ sở.

Khí CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub> ... trong khí thải của các phương tiện giao thông để giao nhận hàng và bốc dỡ hàng tại doanh nghiệp gây ảnh hưởng tác động tiêu cực tới môi trường. Tải lượng các chất ô nhiễm chứa trong khí thải giao thông vận tải phụ thuộc vào số lượng xe lưu thông, chất lượng nhiên liệu sử dụng, tình trạng kỹ thuật của phương tiện giao thông vận tải và chất lượng đường giao thông.

Các phương tiện ra, vào cơ sở gồm có: Xe tải vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm xuất nhập, xe của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở.

 **Đối với bụi từ quá trình sản xuất**

Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu từ khâu cắt, may của nhà máy. Các thiết bị phục vụ cho công đoạn sản xuất đều sử dụng điện để hoạt động nên không có phát sinh khí thải.

Bụi tại công đoạn này chủ yếu là bụi dạng sợi tơ, sợi bông hay sợi vải nhân tạo và bụi có trọng lượng thấp nên khả năng phát tán trong không khí không cao và chỉ gây kích thích cơ học mà không mang tính độc cấp tính hay mãn tính. Đây là nguồn ô nhiễm đặc trưng đối với loại hình dệt may. Tải lượng bụi phát sinh tối đa tại khu vực làm việc của cơ sở đang hoạt động với tổng công suất 6.500.000 sản phẩm/năm được dự đoán như sau:

**Bảng 6. Dự đoán nồng độ ô nhiễm không khí tại nơi làm việc**

STT	Thông số	Khu vực máy sản xuất		Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (QĐ 3733/2002/QĐ-BYT)
		May	Cắt	
1	mg/m <sup>3</sup>	0,82	0,84	6

 **Đối với khí thải từ lò hơi**

Cơ sở sử dụng dầu DO để đốt với lượng dầu tối đa trong 1 ngày là 300 lít/ngày, tức 12,5 lít/giờ. Khối lượng riêng của dầu DO là 0,832 kg/lít. Vậy khối lượng dầu tiêu thụ tương đương là 10,4 kg/h. Tải lượng ô nhiễm từ lò hơi với việc đốt các nhiên liệu hóa thạch (dầu DO) thường sinh ra các chất gây ô nhiễm không khí như bụi than, dioxit, lưu huỳnh, SO<sub>2</sub>,... với tải lượng và nồng độ thường rất cao.

### 3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Cơ sở, các hoạt động văn phòng, bao gồm: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, thực phẩm thừa, thức ăn thừa,...

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt với mức thải tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày (theo công bố tại Báo cáo môi trường quốc gia 2011 về chất thải rắn). Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khi cơ sở hoạt động hết công suất được tính như sau: 0,5 kg/người/ngày x 3.563 người = 1.871 kg/ngày.

- Khối lượng rác thải sinh hoạt năm 2023: 87.665 kg/năm.

### 3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất hoạt động của cơ sở như vải, plastic, thùng carton, giấy, kim loại được tập kết ở kho chứa rác thải công nghiệp thông thường và chuyển cho đơn vị nhà thầu có đủ chức năng xử lý và tái chế rác hoàn toàn.

- Khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại ước tính phát sinh tại cơ sở trung bình vào năm 2023 khoảng 109.061 kg/năm.

### 3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

- Loại chất thải nguy hại phát sinh: Chất thải nguy hại tại cơ sở chủ yếu phát sinh từ hoạt động văn phòng và hoạt động bảo trì máy móc thiết bị như: ống mực máy in, pin hư, đèn huỳnh quang hư, ...

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: Khối lượng chất thải nguy hại ước tính phát sinh cụ thể tại bảng sau:

**Bảng 7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng phát sinh 2023 (kg/năm)
1	Hộp mực máy in, máy photocopy hỏng có chứa thành phần nguy hại thải	08 02 04	Rắn	0
2	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	08 01 01	Rắn	20

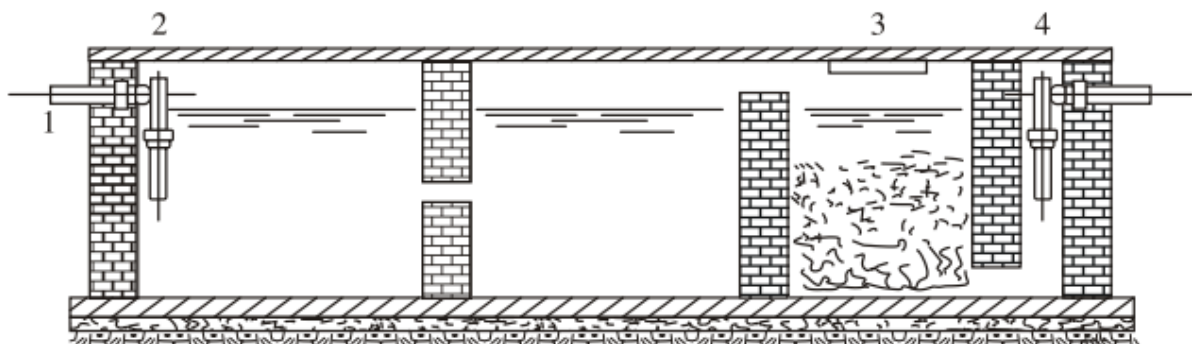
TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng phát sinh 2023 (kg/năm)
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	0
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (dính dầu, nhớt,...)	18 02 01	Rắn	46
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	142
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp (nhớt máy động cơ, máy phát điện, xe ô tô)	17 02 03	Lỏng	161
7	Pin remote tivi/Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	16
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử	15 01 09	Rắn	1
9	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	Rắn/lỏng	2
<b>Tổng số lượng</b>				<b>388</b>

#### 4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở

##### 4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh

Để đảm bảo các chỉ tiêu yêu cầu khi xả ra nguồn tiếp nhận, lượng nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ trong bể tự hoại. Nguyên lý hoạt động của công trình này là lắng cặn, phân hủy và lên men hữu cơ.

Bể tự hoại với 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng và ngăn lọc. Cặn được giữ lại trong ngăn chứa từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.



**Hình 4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại**



**❖ Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:**

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm bể chứa lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải.

Nhờ các vị trí ống dẫn, nước thải chảy qua bể lắng theo chiều chuyển động từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa.

Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

Thời gian lưu của bể tự hoại khoảng 5 ngày. Thời gian phân hủy cặn, chất ô nhiễm là 3 ngày, thời gian lưu bùn khoảng 6 tháng, định kỳ bùn sẽ được hút và xử lý theo quy định.

Hiệu suất xử lý trung bình theo hàm lượng cặn lơ lửng SS, nhu cầu oxy hóa học COD, nhu cầu oxy sinh hóa BOD<sub>5</sub> từ 70 – 75%.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

**4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh**

 *Đối với bụi và khí thải từ hoạt động giao thông:*

Để giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động giao thông, cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau đây:

+ Bãi đậu xe công nhân được bố trí dưới tầng hầm sâu 3,3m so với mặt đất. Các xe vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm được bố trí gần đường giao thông. Công ty sẽ phân các khu vực riêng biệt cho xe ô tô và xe máy.

+ Tách riêng khu vực đường vào và đường ra của các bãi đỗ xe.

+ Xây dựng đường nội bộ hoàn chỉnh và tiến hành phân tuyến đường nội bộ để đảm bảo giao thông thông suốt.


+ Phun nước sân phía trước nhà máy để giảm thiểu bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào dự án vào mùa khô khi cần thiết.

+ Quy định nội quy có các phương tiện ra vào dự án như quy định tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên dự án, yêu cầu tắt máy khi trong thời gian xe chờ,...

+ Đối với các phương tiện thuộc tài sản của công ty, công ty sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

+ Trồng thêm nhiều cây xanh xung quanh và trong khuôn viên nhà máy.

Các biện pháp trên sẽ được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

 *Đối với bụi từ quá trình sản xuất*

+ Xây dựng nhà máy cao thoáng, chiều cao mỗi tầng là 4,8m

+ Lắp đặt hệ thống máy lạnh đối với khu vực văn phòng tách rời với khu vực sản xuất.

+ Các quạt thông gió, quạt hút được lắp ở khu vực sản xuất. Cụ thể là ở khu vực may, khu vực cắt và lắp ở trên cao bao quanh các chuyền may và bàn cắt để hút bụi vải.

+ Nhà máy bố trí cách ly các khu vực sản xuất với nhau. Khu vực chuyền may và khu vực cắt được bố trí tập trung ở tầng 1, tầng 2 của nhà máy giai đoạn 3 và được ngăn cách bằng các tấm chắn chuyên dụng với ngành may mặc. Đảm bảo bụi từ khâu cắt, may không phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Trang bị máy hút xaxh tay, trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực có phát sinh bụi như khâu trang.

 *Đối với khí thải từ lò hơi*

- Xây dựng khu vực lò hơi đúng thông số kỹ thuật, tường xây gạch, mái che, được đặt tại vị trí phù hợp cách xa nơi sản xuất trực tiếp của công nhân.

- Ống khói được nối từ nơi đặt lò hơi có kích thước đường kính ống khoảng 100mm, vật liệu ống khói làm bằng inox, chiều cao khoảng 5m tính từ mái nhà đặt lò hơi.

### **4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn**

Diện tích khu vực chứa rác của công ty 40 m<sup>2</sup> bao gồm: Nhà rác nguy hại, nhà rác sinh hoạt và nhà rác công nghiệp thông thường.

#### **❖ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

Rác thải sinh hoạt sẽ được nhà máy thu gom, lưu chứa rác và ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác đi xử lý như sau:

- Hợp đồng dịch vụ về việc Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp không độc hại số 23-2024/HĐDV.HTX giữa Công ty TNHH May mặc

United Sweethearts Việt Nam và Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Hiệp Hòa ngày 02/01/2024.

- Vị trí rác thải sinh hoạt được tập trung chủ yếu ở gần cổng của nhà máy, đảm bảo cho việc thu gom được dễ dàng.

- Trang bị các thùng chứa chất thải rắn 120 – 240 lít.



- Tiến hành thu gom CTRSH phát sinh và lưu trữ tạm thời vào các thùng chứa đúng quy định, nhằm tránh gây mùi hôi do sự phân hủy các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học và nhằm tránh gây mất vệ mỹ quan hay nước mưa chảy tràn đưa chất thải chảy vào các cống rãnh.

- Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: rác khó phân hủy như vỏ đồ hộp, chai thủy tinh và rác có nguồn gốc hữu cơ do thức ăn thừa, hoa lá. Đối với chất thải sinh này sau khi thu gom sẽ được chuyển cho đơn vị có chức năng để tái chế và tái sử dụng. Các chất thải không thể tái sinh, tái chế công ty hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

#### ❖ **Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

Đa số các chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất như vải, plastic, thùng carton, giấy, kim loại được tập kết ở kho chứa rác thải công nghiệp thông thường và chuyển cho đơn vị nhà thầu có đủ chức năng xử lý và tái chế rác hoàn toàn.

Vị trí lưu giữ chất thải rắn sản xuất của cơ sở tại nhà kho gần nhà bảo trì của nhà máy hiện hữu giáp ranh với công ty Caesar.



Tất cả chất thải rắn sản xuất sẽ được phân loại thành các chất thải có thể tái chế và chất thải không tái chế. Đối với các chất thải này công ty tiến hành lưu trữ tạm thời các chất thải rắn sản xuất phát sinh từ bằng các thùng chứa thích hợp trước khi các đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển và xử lý.

Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng - Hợp đồng kinh tế về việc Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại có thể tái chế số 01/HĐKT/QK-2024 ngày 18/12/2023 giữa Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam và Công ty TNHH May mặc Quốc Khang định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng đúng Thông tư số 02/2022/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra cơ sở sẽ thực hiện tốt công tác quản lý nội vi và ngoài vi, áp dụng công nghệ và máy móc tiên tiến để tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu, từ đó giảm thiểu được khối lượng chất thải phát sinh.

#### *Chất thải rắn nguy hại phát sinh*

Nguồn phát sinh của chất thải rắn nguy hại xuất phát từ các hoạt động văn phòng như thay ống mực máy in, pin hư thải bỏ; các hoạt động bảo trì máy móc, thiết bị như thay dầu nhớt vào máy may, thay bóng đèn huỳnh quang hư, bộ acquy của máy phát điện dự phòng bị hư, bảo trì sửa chữa xe ô tô.

Khi có CTNH phát sinh, nhân viên tại Cơ sở có nhiệm vụ đưa chất thải tới nhà kho gần nhà bảo trì giáp ranh với công ty Caesar để cất giữ.



Nhà kho được xây bằng gạch, có mái che, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào khóa được. Trong nhà chứa bố trí các khu vực lưu trữ có dán nhãn tương ứng với các loại CTNH phát sinh tại cơ sở.

Sàn nhà được làm có độ dốc, song song với cửa ra vào có rãnh thu gom chất thải lỏng đổ tràn về hố ga. Khi có chất thải đổ tràn, chất thải sẽ chảy theo rãnh thu gom về hố ga và được nhân viên bơm trở lại vào thùng chứa chuyên dụng để vận chuyển xử lý như CTNH.

Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo quy định, đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.

Thùng chứa chất thải nguy hại không đặt ở nơi có nhiệt độ cao, đảm bảo các thùng được đặt ở nơi thoát mát, không cho nước mưa xâm nhập vào, không để lẫn với các loại chất thải thông thường khác.

Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng là công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc hợp đồng số 106 HĐ.ĐN/VAE-2024 ngày 08/01/2024 định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

## 5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam – Chủ Cơ sở xin cam kết:

- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của Cơ sở.

- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của Bản đăng ký môi trường đã được phê duyệt.

- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

- Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn cho đến khi kết thúc Cơ sở

- Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai Cơ sở.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Phước Thiện tiếp nhận đăng ký môi trường của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

CÔNG TY TNHH MAY MẶC  
UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM



**KIM JIN KYU**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 3600497815**

*Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 04 năm 2001*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 17 tháng 06 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNITED SWEETHEARTS GARMENT (VIETNAM) CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiên, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Điện thoại: 02513560706

Fax: 02513560709

Email: [usv@mweusg.com](mailto:usv@mweusg.com)

Website: <http://www.mweusg.com>

**3. Vốn điều lệ** 35.310.000.000 đồng

*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm mười triệu đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: DAE YOUNG TEXTILE CO., LTD.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 023110

Ngày cấp: 06/05/1997 Nơi cấp: Văn phòng đăng ký Tòa án quận Busan

Địa chỉ trụ sở chính: 235, Nakdong-daero 943beon-gil, Sasang-gu, Busan, Hàn Quốc

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: LEE GIE YEONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám Đốc

Sinh ngày: *10/11/1962* Dân tộc: *Quốc tịch:* *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *M10479535*

Ngày cấp: *05/04/2018* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *#103-1102, Daewoo Apt, Oncheon 3 dong, Dongrae-gu, Busan, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *River Park BE5-12A, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**



*Phan Huy Toàn*





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 5421037562

*Chứng nhận lần đầu: ngày 23 tháng 4 năm 2001.*

*Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: ngày 11 tháng 8 năm 2020*

*Chứng nhận thay đổi lần thứ sáu: ngày 07 tháng 7 năm 2022*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5421037562 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 8 năm 2020;*

*Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM nộp ngày 22 tháng 6 năm 2022,*

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

**Chứng nhận:**

Dự án đầu tư CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM; mã số dự án 5421037562 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 8 năm 2020;

Được đăng ký: Thay đổi từ Nhà đầu tư MWE SPINNING MILLS SDN. BHD. sang Nhà đầu tư DAE YOUNG TEXTILE CO., LTD.

**Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:**

**Nhà đầu tư:**

**DAE YOUNG TEXTILE CO., LTD.;** Giấy phép thành lập số 023110 cấp ngày 06 tháng 5 năm 1997 tại Hàn Quốc.



Địa chỉ trụ sở chính: 235, Nakdong-daero 943beon-gil, Sasang-gu, Busan, Korea.

Người đại diện: Ông LEE GIE YEONG; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1962; quốc tịch: Hàn Quốc; hộ chiếu số: M10479535 cấp ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú: #103-1102, Daewoo Apt, Oncheon 3 dong, Dongraegu, Busan, Korea; chức vụ: Giám đốc điều hành.

**Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:**

**CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM;** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600497815 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2001, thay đổi lần thứ sáu ngày 17 tháng 6 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:**

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM.**

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC
01	Sản xuất các sản phẩm may mặc.	6.500.000 sản phẩm/năm	1410

3. Địa điểm thực hiện dự án: Đường số 10, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 31.767 m<sup>2</sup>.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 48.150.000.000 (bốn mươi tám tỷ, một trăm năm mươi triệu) đồng, tương đương 3.000.000 (ba triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 35.310.000.000 (ba mươi lăm tỷ, ba trăm mười triệu) đồng, tương đương 2.200.000 (hai triệu, hai trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 73,3% tổng vốn đầu tư, do DAE YOUNG TEXTILE CO., LTD. góp; tiền độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 46 (bốn mươi sáu) năm kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2001.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2002.

**Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.


2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

**Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:**

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5421037562 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 8 năm 2020.

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. 

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

  
**Dương Thị Xuân Nương**

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**  
**CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**  
TRỤ SỞ: KM. 03 QL. 51 LONG THANH - DONG NAI  
TEL. 061.831215      FAX: 061.831050  
Email:urbizco@hcm.vnn.vn



**HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT**  
**LAND SUBLEASING CONTRACT**

**CÔNG TY UNITED SWEETHEARTS GARMENT VIETNAM CO., Ltd**

**Tháng 5-2001**

URBAN AND INDUSTRIAL ZONE  
DEVELOPMENT INVESTMENT CORP.  
URBAN AND INDUSTRIAL ZONE  
DEVELOPMENT COMPANY  
No. 436 / CT- KHDT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Happiness

*Dong Nai, May 11, 2001*

## LAND SUB-LEASING CONTRACT

- Referring to the Law on Foreign Investment in Vietnam dated November 12, 1996 and Law amendment of and additions to a number of articles of the Law on Foreign Investment in Vietnam dated June 9, 2000;
- Referring to the Law on Land dated July 14th, 1993 and Law on Amendment of Clauses of Law on Land dated Dec. 11, 1998;
- Referring to the Decree 85/CP dated December 17th, 1996 by Government stipulating the implementation of Ordinance on rights and obligations of the Domestic organizations given land by the Government;
- Referring to Decree 36/CP dated April 24, 1997 regarding the enacting Stipulations on the Industrial Zones, EPZ and High Tech Zone;
- Referring to the Decision 715/TTg dated August 30th, 1997 by the Prime Minister regarding the establishment and approval of Project for Investment, construction and doing business of infrastructure in Nhon trach I Industrial Zone - Dong Nai Province on basis of the expansion of Tuy Ha A Industrial Zone;
- Referring to the Decision 60/QĐ-TTg dated Jan. 20, 1998 by the Prime Minister regarding the lease of land to Urban and Industrial Zone Development Company - Ministry of Construction to construct and do business of infrastructure in Nhon trach I Industrial Zone - Dong Nai Province;
- Referring to Official Letter No. 345/KCN.ĐN dated May 29, 1999 by Dong Nai Industrial Zone Authority in regard to approval of price of subleasing land for Foreign Invested Enterprises at Nhon trach I Industrial Zone;
- Referring to Land Subleasing Memorandum No. 187/CT-DT dated Feb. 26, 2001
- Referring to Investment Licence No. 78/GP-KCN-ĐN dated Apr. 23, 2001



**I. Sublessor (Party A)**

**Urban and Industrial Zone Development Company (called 'URBIZ')**

Address : Km 03 - N. Highway 51 - Long thanh Dist. - Dong Nai province

Tel : 061.831050 - 831215 Fax: 061.831050

Account No : 4321-01-99-00002106-01 at Chohung Vina Bank or

7301.0011B at Dongnai Bank for Investment and Development

Represented by: **Mr. Nguyen Van Tuong**

Position : Director.

Nationality : Vietnamese

**II. Sublessee (Party B)**

**United Sweethearts Garment Vietnam Co., ltd.**

Address : Nhon Trach I Industrial Zone - Dong Nai province.

Tel :

Represented by: **Mr. Tang King Hua**

Position : Director

Nationality : Malaysian.

III. Today, May 11, 2001, at URBIZ's Head Office, the two parties have agreed to sign this Land Subleasing Contract under the following Articles:

**Article 1:**

1.1 Party A has agreed to sublease 12,680 m<sup>2</sup> (twelve thousand, six hundred and eighty square meters) of land to party B at Nhon trach I Industrial Zone, Nhon Trach District, Dong Nai Province, with 106.1m in width paralleled with road No. 3 and 119.5m in length paralleled with road No. 10 for building up the Garment Factory

**Article 2:**

The construction of projects on this area shall be in accordance with the purpose referred to in Article 1 of this contract. The design and construction shall be complied with the Law, stipulations on basic construction of Vietnam and stipulations on Nhon Trach I Industrial Zone.

**Article 3: Duration of subleasing land**

Duration for subleasing land is 46 (forty six) years from the date of signing Land Subleasing Contract.



**Article 4: Price of subleasing land**

The price of subleasing land for first 5 years is **US\$1.54/m<sup>2</sup>/year** including:

- Land rental by State : US\$ 0.09/m<sup>2</sup>/year.
- Infrastructure cost : US\$ 1.45/m<sup>2</sup>/year.

The price of subleasing land from the 6<sup>th</sup> year on is **US\$0.82/m<sup>2</sup>/year** including:

- Land rental by State : US\$ 0.09/m<sup>2</sup>/year.
- Infrastructure cost : US\$ 0.73/m<sup>2</sup>/year.

(This price is inclusive of VAT)

The land rental (excluding infrastructure cost) shall be kept unchangeable for at least 5 years. Once the adjustment of land rental is made, it shall be made on condition that the adjusted land rental shall not be increased more than 15% compared with previous land rental.

The infrastructure cost applicable from the sixth year onward will be kept unchangeable during the term of project.

**Article 5: Method of calculation of land rental & infrastructure cost and term of payment**

5.1 The payment of land rental and infrastructure cost shall be calculated from the date of handing over the land to party B (Based on the Minute of Land hand-over).

5.2 The payment of land rental and infrastructure cost is made annually and calculated as follows:

$$\begin{array}{l} \text{The payment} \\ \text{for 1 year} \\ \text{(US\$)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Price of} \\ \text{subleasing land} \\ \text{(US\$/m}^2\text{/year)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{The land} \\ \text{area handed over} \\ \text{(m}^2\text{)} \end{array}$$

\* Particularly, the payment of the first and ended year will be:

$$\text{Payment} = \frac{\begin{array}{l} \text{Price of} \\ \text{Subleasing land} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{The actual} \\ \text{land area} \end{array}}{12 \text{ months}} \times \text{actual months}$$

5.3 The payment of land rental and infrastructure cost for first twelve (12) months will be reduced by 50%.



- 5.4 The annual payment of land rental and infrastructure cost shall be made within first 20 days of January.  
In particular, the payment for the first year shall be made within 20 days since the date of handing over the land (based on the Minutes of hand over of land).
- 5.5 Party A will not accept any reasons that party B states to delay the payment of payables according to this contract. In the event of delayed payment, party B shall bear a fine of overdue payment at the interest rate by the bank over the total amount of payment and the overdue time.
- 5.6 Payment of land rental and infrastructure cost shall be made to  
CHOHUNG VINA BANK - Ho Chi Minh Branch  
Account No: 4321-01-99-00002106-01.  
Or Dong Nai Bank for Investment and Development  
Account No: 7301.0011B.  
Beneficiary: Urban and Industrial Zone Development Company

#### Article 6: Settlement of deposit

The deposit amounted to USD 6,000 in accordance with the Article 6 of land Subleasing Memorandum No. 187/CT-KHDT dated Feb. 26, 2001 will be deducted from the payment for the first year after the hand-over of land to Party B is made in accordance with this Contract;

#### Article 7: Responsibilities of each party

##### 7.1 *Party A shall:*

- Respect Party B's ownership of property purchased, equipped and constructed on the subleased land;
- Hand over the marks of the land (with Minutes of Hand over of land) and all Legal Documents related to subleased area to party B within fifteen (15) days after signing the contract;
- Ensure that the subleasing land is not and will not be arisingly disputed during the term of contract;
- Supply 22KV power to the fence of factory with the capacity of 1,000 KVA;
- Design, construction, installation and connection of power to the 22/0.4KV power substation of Party B;
- Supply clean water to the fence of Plant with the volume of 200m<sup>3</sup>/day;





- Receive the treated wastewater from the fence of the factory to discharge into the general waste water system of the industrial zone;
- Assure for party B to use other infrastructure facilities (if any) in Nhon Trach I Industrial Zone with good standard creating good conditions for the production and business of party B.

**7.2 Party B shall:**

- Be responsible for using the land in conformity with the purpose mentioned in Investment Licence and complying with the Law of Vietnam and stipulations in this Contract;
- Design and construct workshops, buildings in accordance with the stipulations on basic construction of Vietnam, and stipulations of Nhon trach I Industrial Zone;
- Design and construct the spare tank in the factory to store water for fire fighting and for prevention of problem or temporary repair of water supply system;

Construct the fence for the whole area of land. The fence connected with traffic roads shall be constructed with spacious aesthetic condition;

- Build up the Wastewater Treatment System to treat wastewater from the factory. The treated wastewater must be satisfactory with Standard 5945-1995 at column B. Such treated wastewater can be discharged into wastewater system of the industrial zone;
- Design and construct the power system in concealed condition; the water supply system; the water drainage system with two separate pipelines - one for storm (rain) water and one for industrial & domestic wastewater. These systems shall be located inside the fence of factory;
- The connection point with the general industrial wastewater system shall be approved by party A. The storm water drainage system can be discharged directly into the storm water drainage system of Nhon trach I Industrial Zone;
- Making payment of water and power; cost of design, installation and power connection for the 22/0.4KV substation;
- Prepare the reports on environmental treatment of solid waste, gas, toxin, and measure for anti-explosion and fire fighting.

**Article 8:**

The supply of electricity, clean water, and the treatment of waste water and other infrastructure services... will be further agreed by the



two parties with separate contracts on basis of this Land Subleasing Land.

**Article 9:**

In case that party B is divided or integrated or conveyed its property to any other organization or individual which creates a new organization during the validity of this contract, the new Investor shall make procedures to sublease the land under the unchangeable contents of this contract, which will be suitable with the regulations of Vietnam by such time.

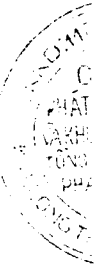

**Article 10: Validity of the Contract**

The Land Subleasing Contract shall expire in following cases:

- The expiry of land subleasing duration according to the stipulation in Article 3 of this contract;
- One of the two parties violates seriously the Articles of this Contract, which influences to the right and obligation of the others that can not be solved by negotiations. In this case, the violating Party shall indemnify against damage (if any) to the other in accordance with the current Law;
- Party B pre-terminates or goes bankrupt before the land subleasing duration.

**Article 11: Other provisions**

- 11.1 All payments shall be made in US Dollar according to relevant laws and regulations of Vietnam. If the payment is made in VN Dong, the exchange rate of VND shall be based on US\$ selling rate from VIETCOMBANK at the time of actual payment;
- 11.2 The percentage of green vendor, grass plot shall not be lower than 15% of the subleased land;
- 11.3 Party B shall have the right and obligations according to the regulations of the Industrial Zone - the attached issue of Decree



36/CP dated April 24, 1997 and other concerned Legal Documents by the laws of Vietnam.

**Article 12: Dispute.**

The two parties commit to strictly apply stipulations in articles of this contract. In the event of dispute, it shall be solved by negotiation, reconciliation in spirit of cooperation.

In the event of failure to negotiate, the dispute matter shall be settled by Dong Nai Economic Court in accordance with the Law of Vietnam.

**Article 13:**

This Contract is made into 06 sets. Each set comprises one Vietnamese version and one English version with the same validity. Each party keeps 02 sets, the other 2 are both submitted to Dong Nai Cadastral Department (01 set) and Dong Nai Industrial Zone Authority (01 set).

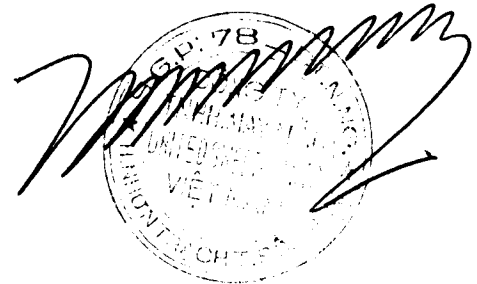
This Contract comes into effect from the date of signing.

**REPRESENTATIVE  
OF PARTY A**



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Cường*

**REPRESENTATIVE  
OF PARTY B**



## TCVN 5945-1995

The allowable limits of parameters and concentration of waste water  
to be discharged into the sewer of of the industrial zone

No	Parameters	Unit	Maximum limit		
			A	B	C
1	Temperature	°C	40	45	45
2	pH value		6-9	5.5-9	5-9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	20	50	100
4	COD	mg/l	50	100	400
5	Suspended Solid	mg/l	50	100	200
6	Arsenic (As)	mg/l	0.05	0.1	0.5
7	Cadmium (Cd)	mg/l	0.01	0.02	0.5
8	Lead (Pb)	mg/l	0.1	0.5	1
9	Residual Chlorine (Cl)	mg/l	1	2	2
10	Chromium (IV) (Cr <sup>4+</sup> )	mg/l	0.05	0.1	0.5
11	Chromium (III) (Cr <sup>3+</sup> )	mg/l	0.2	1	2
12	Mineral oil and fat	mg/l	Not detectabl	1	5
13	Animal vegetable fat and	mg/l	5	10	30
14	Copper (Cu)	mg/l	0.2	1	5
15	Zinc (Zn)	mg/l	1	2	5
16	Manganese (Mn)	mg/l	0.2	1	5
17	Nickel (Ni)	mg/l	0.2	1	2
18	Organic Phosphorus	mg/l	0.2	0.5	1
19	Total Phosphorus	mg/l	4	6	8
20	Iron (Fe)	mg/l	1	5	10
21	Tetrachloetylen	mg/l	0.02	0.1	0.1
22	Tin (Sn)	mg/l	0.2	1	5
23	Mercury (Hg)	mg/l	0.005	0.005	0.01
24	Total Nitrogen	mg/l	30	60	60
25	Trichloetylen	mg/l	0.05	0.3	0.3
26	Amoniac (NH <sub>3</sub> )	mg/l	0.1	1	10
27	Fluoride (F)	mg/l	1	2	5
28	Phenol	mg/l	0.001	0.05	1
29	Sulfide (S)	mg/l	0.2	0.5	1
30	Cyanide (CN)	mg/l	0.05	0.1	0.2
31	Radio active α	Bq/l	0.1	0.1	
32	Radio active β	Bq/l	1	1	
33	Collform	MPN/100ml	5000	10000	

Đồng Nai, ngày 11 tháng 5 năm 2001

## HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi và bổ sung một số điều Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000.

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 11 tháng 12 năm 1998.

- Căn cứ Nghị định 85/CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Căn cứ Nghị định 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ về việc ban hành quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao.

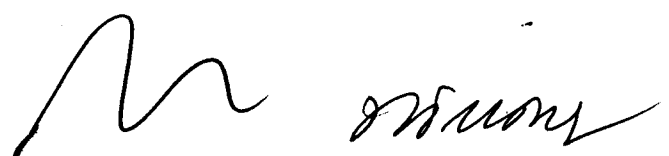
- Căn cứ Quyết định số: 715/TTg ngày 30 tháng 8 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập và Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch I - Tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở mở rộng Khu công nghiệp A Tuy Hạ.

- Căn cứ Quyết định số: 60/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp thuộc Bộ Xây dựng thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch I tại Tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ văn bản số: 345/KCN.ĐN ngày 29 tháng 5 năm 1999 của Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai về việc phê chuẩn giá thuê lại đất đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

- Căn cứ Bản Ghi nhớ thuê lại đất số 187/CT-KHĐT ngày 26/2/2001.

- Căn cứ Giấy phép đầu tư số: 78/ GP-KCN-ĐN ngày 23/4/2001



**I. Bên cho thuê lại đất (Bên A)**

Đại diện : Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp  
(Viết tắt là URBIZ)  
Họ tên : Nguyễn Văn Tường  
Chức vụ : Giám đốc .  
Quốc tịch : Việt Nam.  
Trụ sở : Km 03 - Quốc lộ 51- Long Thành - Đồng Nai  
Điện thoại : 84.61.831215 Fax: 84.61.831050  
Số tài khoản :4321-01-99-00002106-01 tại Ngân hàng Chohung Vina Bank  
7301.0011B tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai

**II. Bên thuê lại đất (Bên B):**

Đại diện : Công ty TNHH May Mặc United Sweethearts Việt Nam  
Họ tên : Tang King Hua  
Chức vụ : Giám đốc  
Quốc tịch : Malaysia.  
Trụ sở : Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I – Tỉnh Đồng Nai

**III. Hôm nay, ngày 11 tháng 5 năm 2001 tại Văn phòng Công ty URBIZ hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê lại đất với các điều khoản sau đây:**

**Điều 1:**

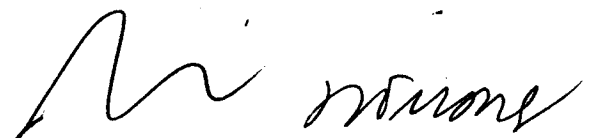
Bên A thỏa thuận cho Bên B thuê lại 12.680 m<sup>2</sup> đất (Mười hai sau trăm tám mươi mét vuông đất) tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I - Tỉnh Đồng Nai, chiều rộng song song với đường số 3 là 106.1m, chiều dài song song với đường số 10 là 119.5m để xây dựng Nhà máy May mặc

**Điều 2:**

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều 1 của Hợp đồng này. Việc thiết kế, xây dựng phải tuân thủ theo các qui định về xây dựng cơ bản và các qui định của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

**Điều 3: Thời hạn thuê đất.**

Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất.



#### Điều 4: Giá thuê lại đất.

\* Năm (5) năm đầu là : 1,54USD/m<sup>2</sup>/năm

Trong đó:

+ Giá thuê đất thô của Nhà nước là : 0,09USD/m<sup>2</sup>/năm

+ Chi phí hạ tầng là : 1,45USD/m<sup>2</sup>/năm

\* Từ năm thứ sáu (6) trở đi : 0,82USD/m<sup>2</sup>/năm.

Trong đó:

+ Giá thuê đất thô của Nhà nước là : 0,09USD/m<sup>2</sup>/năm

+ Chi phí hạ tầng là : 0,73USD/m<sup>2</sup>/năm

(Giá thuê lại đất trên đã bao gồm thuế VAT)

Giá thuê đất (không bao gồm chi phí hạ tầng) được giữ ổn định tối thiểu là 5 năm. Khi điều chỉnh tăng thì mức tăng không vượt quá 15% so với giá trước đó.

Chi phí hạ tầng từ năm thứ sáu trở đi sẽ không thay đổi trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

#### Điều 5: Cách tính tiền thuê lại đất và phương thức thanh toán

5.1 Tiền thuê lại đất được tính bắt đầu từ ngày Bên B được giao đất (căn cứ trên Biên bản giao đất).

5.2 Tiền thuê lại đất được trả hàng năm và được tính như sau:

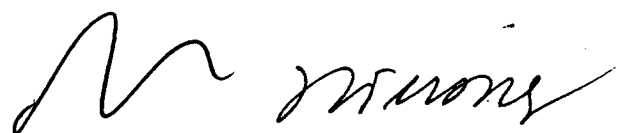
$$\begin{array}{rcccl} \text{Tiền thuê} & & \text{Giá cho thuê} & & \text{Diện} \\ \text{lại đất của} & = & \text{lại đất của} & \times & \text{tích đất} \\ \text{một năm} & & \text{năm} & & \text{giao} \end{array}$$

\* Riêng tiền thuê lại đất của năm đầu tiên và năm cuối Hợp đồng được tính như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tiền thuê lại} & & \text{Giá thuê lại đất x diện tích đất thuê} & & \text{Số tháng} \\ \text{đất năm đầu} & = & \frac{\hspace{10em}}{12 \text{ tháng}} & \times & \text{thuê đất} \\ \text{(năm cuối)} & & & & \text{thực tế} \end{array}$$

5.3 Tiền thuê lại đất 01 năm đầu (12 tháng) sẽ được giảm 50%.

5.4 Tiền thuê lại đất hàng năm được thanh toán trong vòng 20 ngày đầu của tháng đầu tiên của năm.



Riêng tiền thuê lại đất năm đầu tiên Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 20 ngày sau khi bên B được giao đất (căn cứ trên Biên bản giao đất).

**5.5** Bên A không chấp thuận bất kỳ lý do gì mà Bên B nêu ra để chậm thanh toán các khoản phải thanh toán theo Hợp đồng này. Trường hợp chậm thanh toán, Bên B phải chịu thêm lãi suất quá hạn của Ngân hàng tính trên toàn bộ số tiền và thời gian chậm thanh toán.

**5.6 Nơi nộp tiền:**

Tại Ngân hàng Chohung Vina Bank

Số tài khoản: 4321-01-99-00002106-01

Hoặc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai

Số tài khoản: 7301.0011B

Đơn vị thụ hưởng: Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp

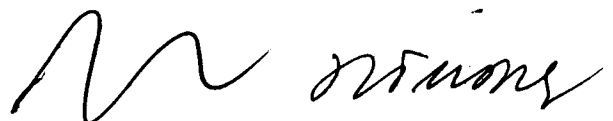
**Điều 6: Xử lý tiền đặt cọc:**

Tiền đặt cọc theo điều 6 của Bản Ghi nhớ Hợp đồng thuê lại đất số 187/CT-KHĐT ngày 26/2/2001 là 6.000 USD sẽ được khấu trừ vào tiền thuê lại đất của năm đầu tiên sau khi Bên B được giao đất theo Hợp đồng thuê lại đất này.

**Điều 7: Trách nhiệm của mỗi bên.**

**7.1 Bên A sẽ:**

- Tôn trọng quyền sở hữu về tài sản do Bên B xây dựng và trang bị trên khu đất thuê lại trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
- Chuyển giao mốc giới của khu đất (có biên bản giao đất) và các tài liệu pháp lý liên quan đến khu đất cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi ký Hợp đồng thuê lại đất.
- Đảm bảo khu đất cho thuê lại không có tranh chấp và sẽ không có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong suốt thời gian thuê lại đất.
- Cung cấp điện 22KV tới hàng rào của Nhà máy, công suất 1.000KVA.
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, đóng điện trạm biến áp 22/0.4KV cho bên B.
- Cung cấp nước sạch tới hàng rào nhà máy, lưu lượng là 200m<sup>3</sup>/ngày.
- Tiếp nhận nước thải sau khi đã xử lý từ hàng rào của nhà máy để đưa vào hệ thống nước thải chung của toàn khu.
- Đảm bảo cho Bên B được sử dụng các tiện ích hạ tầng khác (nếu có) của Khu công nghiệp với đầy đủ tiêu chuẩn, tạo thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của Bên B.





## 7.2 Bên B có trách nhiệm:

- Sử dụng đất đúng mục đích đã được qui định trong Giấy phép Đầu tư, phải chấp hành theo Luật pháp Việt Nam và các điều ghi trong Hợp đồng này.
- Thiết kế xây dựng các công trình nhà xưởng theo đúng các quy định về XD/CB của Việt Nam và các quy định của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.
- Thiết kế xây dựng bể nước trung gian trong khu vực Nhà máy để dự trữ nước phục vụ cho công tác PCCC và đề phòng sự cố của hệ thống cấp nước chung.
- Bên B phải xây dựng tường rào bao quanh toàn bộ khu đất. Hàng rào nhà máy tiếp giáp với đường giao thông phải được xây dựng thông thoáng và mỹ thuật.
- Bên B phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải để nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn cột B của TCVN 5945-1995, mới được thải vào hệ thống nước thải chung của Khu công nghiệp.
- Thiết kế và xây dựng hệ thống điện ngầm, hệ thống đường ống cấp nước và hệ thống ống cống kết hợp với các hố ga. Hệ thống thoát nước phải có hai hệ thống riêng biệt gồm: Thoát nước mưa và thoát nước thải công nghiệp, sinh hoạt. Các hệ thống cống, các hố ga và trạm xử lý nước thải nằm trong hàng rào của Nhà máy.
- Điểm đấu nối của Hệ thống nước thải của Nhà máy vào hệ thống chung của Khu công nghiệp phải được sự chấp thuận của Bên A. Hệ thống thoát nước mưa được thoát trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp.
- Thanh toán các khoản tiền sử dụng điện nước, các chi phí thiết kế, thi công, lắp đặt, và đóng điện trạm biến áp 22/0.4KV.
- Phải có báo cáo xử lý môi trường về nước thải, chất thải rắn, khí, chất độc và các biện pháp phòng chống cháy nổ.

### Điều 8:

Việc cung cấp điện, nước sạch, xử lý nước thải và các dịch vụ hạ tầng khác... sẽ được hai bên thỏa thuận bằng Hợp đồng riêng nhưng không trái với các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này.

### Điều 9:

Trường hợp Bên B bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới trong thời gian



hiệu lực của Hợp đồng, thì chủ đầu tư mới phải làm thủ tục thuê lại đất với nội dung không thay đổi so với Hợp đồng này và phù hợp với các quy định của Nhà nước tại thời điểm ký kết Hợp đồng mới.

#### **Điều 10: Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng thuê lại đất hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê lại đất theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.
- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp này thì bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho bên kia theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Bên B giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

#### **Điều 11: Các điều khoản khác:**

11.1 Tất cả các điều khoản thanh toán sẽ được áp dụng theo luật pháp và các quy định có liên quan của Việt Nam và bằng Đô la Mỹ. Nếu thanh toán bằng tiền Việt nam thì tỷ giá qui đổi ra đồng Việt Nam sẽ theo giá bán Đô la Mỹ của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

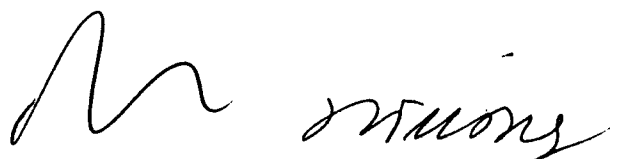
11.2 Diện tích cây xanh, thảm cỏ trong nhà máy không được nhỏ hơn 15% diện tích đất thuê.

11.3 Bên B có quyền lợi và nghĩa vụ theo quy chế của Khu công nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 36/CP ngày 24/4/1997 và theo các văn bản pháp luật khác của Nhà nước Việt nam có liên quan.

#### **Điều 12: Điều khoản về trọng tài**

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các qui định trong các điều khoản của Hợp đồng này. Trường hợp xảy ra tranh chấp thì trước hết tranh chấp sẽ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải trên tinh thần tôn trọng và hợp tác.

Trường hợp không thỏa thuận được thì vấn đề tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế Đồng Nai và căn cứ theo Pháp luật Việt Nam để giải quyết.



**Điều 13:**

- Hợp đồng thuê lại đất này được thành lập 06 (sáu) bộ, mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Anh và 01 (một) bản tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bộ. Đồng gửi Sở Địa chính và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 (một) bộ.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Văn Hùng*

A large, stylized handwritten signature in black ink, representing the representative of Side B.

## NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

## Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn		
			A	B	C
1	Nhiệt độ	°C	40	45	45
2	PH		6 đến 9	5.5 đến 9	5 đến 9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	20	50	100
4	COD	mg/l	50	100	400
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100	200
6	Asen (As)	mg/l	0.05	0.1	0.5
7	Cadmi(Cd)	mg/l	0.01	0.02	0.5
8	Chi(Pb)	mg/l	0.1	0.5	1
9	Clo dư (Cl)	mg/l	1	2	2
10	Crom(VI) (Cr <sup>4+</sup> )	mg/l	0.05	0.1	0.5
11	Crom(III) (Cr <sup>3+</sup> )	mg/l	0.2	1	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	không phát hiện được	1	5
13	Dầu động thực vật	mg/l	5	10	30
14	Đồng (Cu)	mg/l	0.2	1	5
15	Kẽm (Zn)	mg/l	1	2	5
16	Mangan (Mn)	mg/l	0.2	1	5
17	Niken (Ni)	mg/l	0.2	1	2
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	0.2	0.5	1
19	Phốt pho tổng số	mg/l	4	6	8
20	Sắt (Fe)	mg/l	1	5	10
21	Tetraclôetylen	mg/l	0.02	0.1	0.1
22	Thiếc (Sn)	mg/l	0.2	1	5
23	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0.005	0.005	0.01
24	Tổng ni tơ	mg/l	30	60	60
25	Tricloetylen	mg/l	0.05	0.3	0.3
26	Amoniác(NH <sub>3</sub> )	mg/l	0.1	1	10
27	Florua (F)	mg/l	1	2	5
28	Phênola	mg/l	0.001	0.05	1
29	Sulfua(S)	mg/l	0.2	0.5	1
30	Xianua (CN)	mg/l	0.05	0.1	0.2
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0.1	0.1	
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	1	
33	Coliform	MPN/100ml	5000	10000	

URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT INVESTMENT CORP.  
URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT COMPANY

OFFICE: KM. 03, N. H. WAY 51, LONG THANH, DONG NAI

TEL: 061.831215

FAX: 061.831050

Email: [urbizco@hcm.vnn.vn](mailto:urbizco@hcm.vnn.vn)

\*\*\*\*\*



# PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM  
ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I

Tháng 10 - 2003

Số: 860 /CT-ĐT

Đồng Nai, ngày 9 tháng 10 năm 2003

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ vào bản Ghi nhớ Hợp đồng thuê lại đất số 822/CT-KHĐT ngày 22/8/2001 giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp và Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 436/CT-KHĐT ngày 11/5/2001 giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp và Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên

Các bên tham gia ký Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất gồm có:

### I. Bên cho thuê lại đất (Bên A)

Đại diện : Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp  
(Viết tắt là URBIZ)  
Họ tên : Nguyễn Văn Tường  
Chức vụ : Giám đốc .  
Quốc tịch : Việt Nam.  
Trụ sở : Km 03 - Quốc lộ 51- Long Thành - Đồng Nai  
Điện thoại : 84.61.831215 Fax: 84.61.831050  
Số tài khoản : 7301.0011B tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai

### II. Bên thuê lại đất (Bên B):

Đại diện : Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam  
Họ tên : Tang King Hua  
Chức vụ : Giám đốc  
Quốc tịch : Malaysia  
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Tỉnh Đồng Nai

III. Hôm nay, ngày tháng năm 2003 tại Văn phòng Công ty URBIZ hai bên thỏa thuận ký Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất với các điều khoản sau đây:

**Điều 1: Thỏa thuận chung.**

Bên A thỏa thuận cho Bên B thuê thêm 8.570m<sup>2</sup> (tám ngàn năm trăm bảy mươi mét vuông) đất có vị trí liền kề nhà máy hiện hữu của Bên B và có chiều song song với đường số 3 là 117m, chiều song song với đường số 10 là 76.52m ( có bản vẽ mặt bằng kèm theo) để mở rộng nhà máy giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I - Tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2: Thời hạn giao đất và thời gian thanh toán tiền thuê lại đất.**

Bên A bàn giao khu đất trên và các hồ sơ liên quan cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký phụ lục thuê lại đất này. Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê lại đất cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao đất.

**Điều 3.**

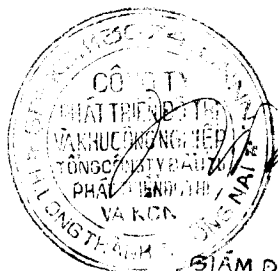
Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thuê lại đất số 436/CT-KHĐT ngày 11/5/2001. Các điều khoản không sửa đổi, bổ sung trong bản phụ lục này sẽ được thực hiện đúng theo các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất số 436/CT-KHĐT ngày 11/5/2001.

**Điều 4.**

Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất này được lập thành 04 bộ mỗi bộ gồm 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh, các bản tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bộ.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



SIAM DỐC

*Nguyễn Văn Cường 2*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



TANG KINH HUA

URBAN AND INDUSTRIAL ZONE  
DEVELOPMENT INVESTMENT CORP.  
URBAN AND INDUSTRIAL ZONE  
DEVELOPMENT COMPANY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Happiness

No. 860 / CT- DT

Dong nai, Oct 29, 2003

## ANNEX FOR LAND SUB-LEASING CONTRACT

- Referring to the Memorandum of Understanding for Land Sub-leasing No. 882/CT-HDTLD dated August 22, 2001 between Urban and Industrial Zone Development Company and United Sweethearts Garment Vietnam Co., ltd;
- Referring to the Land Sub-leasing Contract No.436/CT-KHĐT dated May 11, 2001 Agreement Urban and Industrial Zone Development Company and United Sweethearts Garment Vietnam Co., ltd;
- Base on the need and ability of the two companies

The parties participated to sign this Annex comprise:

### I. Sublessor (Party A)

Urban and Industrial Zone Development Company ("URBIZ")

Represented by: Mr. Nguyen Van Tuong

Position : Director.

Nationality : Vietnamese

Address : Km 03 - N. Highway 51 - Long thanh Dist. - Dong Nai province

Tel : 061.831050 - 831215 Fax: 061.831050

Account No :7301.0011B at Dongnai Bank for Investment and Development

### II. Sublessee (Party B)

United Sweethearts Garment Vietnam Co., ltd;

Represented by: Mr. Tang King Hua

Position : Director

Nationality : Malaisian.

Address : Nhon Trach I Industrial Zone - Dong Nai province.

III. Today, 2003, at URBIZ's Head Office, the two parties have agreed to sign this Annex for Land Subleasing Contract under the following Articles:



**Article 1: General agreement**

Party A has agreed for Party B to sublease additional area of 8,570m2 (eight thousand, five hundred and seventy square meters) of land connected to the existing factory of Party B, with 117m paralleled with road No. 3 and 76.52m paralleled with road No.10 (Refer to the drawing attached) for second stage expansion of the Factory in Nhon Trach I Industrial Zone, Nhon Trach District, Dong Nai Province.

**Article2: Time of land hand - over and payment of land -rental**

Party A shall hand over the above land and all related legal documents to Party B within 15 days from the date of signing this Annex. Party B shall responsible for making payment of land rental within 15 days from the date of handing over the land.

**Article3:**

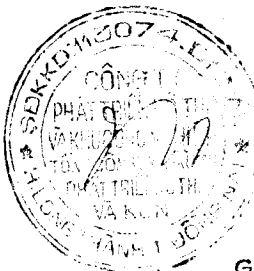
This Annex is the unseparable part of the Land Sub-leasing Contract No436/CT-KHDT dated May 11, 2001. Other Articles not to amend in this Annex will be applied in accordance with those of Land Sub-leasing Contract No436/CT-KHDT dated May 11, 2001

**Article 4.**


This Annex is made into 04 sets; each set comprises one version in Vietnamese and one in English with the same validity. Each party keeps 02 sets

This Annex comes into effect from the date of signing.

**REPRESENTATIVE  
OF PARTY A**

  
*[Handwritten signature]*  
GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Hùng*

**REPRESENTATIVE  
OF PARTY B**

  
*[Handwritten signature]*  
TANG KING HUA









TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP  
ĐỊA CHỈ: KM 03 - QL.51 - LONG THÀNH - ĐỒNG NAI  
TEL: 84.61.831215 FAX: 84.61.831050

EMAIL: [urbizco@hcm.vnn.vn](mailto:urbizco@hcm.vnn.vn)

\*\*\*\*\*

831685 :  
833100 :  
931121 :  
831266 : GĐC



## HỒ SƠ GIAO ĐẤT

CÔNG TRÌNH:  
CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED  
SWEETHEARTS VIỆT NAM MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM:  
KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I  
ĐỒNG NAI

10 - 2003

TỔNG C.TY ĐTPT ĐÔ THỊ & KCN  
CTY PT ĐÔ THỊ VÀ KHU CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 861 /CT-ĐT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 10 năm 2003

V/v: *Giao mốc khu đất 8.570m<sup>2</sup>*  
*Cho Công ty TNHH May mặc United Sweethearts*  
*Viet Nam tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I*

## BIÊN BẢN GIAO ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM

- Căn cứ Quyết định số 715/TTg ngày 30/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nhơn Trạch I – Tỉnh Đồng Nai trên cơ sở mở rộng Khu công nghiệp A Tuy Hạ

- Căn cứ Quyết định số 60/TTg ngày 22/1/1998 của Thủ Tướng Chính phủ về việc cho Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp - Bộ Xây dựng thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch I tại Tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Ghi nhớ Hợp đồng thuê lại đất số 822/CT-KHĐT ngày 22/8/2001 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số /CT-KHĐT ngày ...../10/2003 giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (URBIZ) và Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2003 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Tỉnh Đồng Nai, chúng tôi gồm có:

**\* ĐẠI DIỆN: CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP (URBIZ).**

Bên giao đất:

Ông NGUYỄN VĂN TƯỜNG - Chức vụ: Giám đốc

**\* ĐẠI DIỆN: CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM**

Bên nhận đất:

Ông Tang King Hua - Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng tiến hành giao nhận các cột mốc ranh giới toàn bộ khu đất 8.570m<sup>2</sup> có chiều song song với đường số 3 là 117m, chiều song song với đường số 10 là 76,52m (có bản vẽ mặt bằng kèm theo).

Các cột mốc cắm tại thực địa đã được hai bên kiểm tra xác nhận là cắm đúng theo sơ đồ, đảm bảo đủ diện tích thuê đất. Bên thuê lại đất có trách nhiệm bảo quản mốc giới nếu có sự xô dịch sai sót gì thì phải thông báo ngay cho Công ty URBIZ để giải quyết.

**Kèm theo Biên bản này có các tài liệu liên quan sau:**

1. Thuyết minh giao mốc
2. Vị trí khu đất
3. Các vị trí đầu nối điện, nước, nước mưa và nước thải theo như Hồ sơ giao đất số 499/CT-KHĐT ngày 30/5/2001

Biên bản này được lập thành 04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt và 02 bản tiếng Anh.

**ĐẠI DIỆN**  
**CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**  
**VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Tiến*

**ĐẠI DIỆN**  
**CTY TNHH MAY MẶC UNITED**  
**SWEETHEARTS VIETNAM**



**TANG KINH HUA**

M&C  
CÓN  
HÀT TR  
KHU C  
ĐỒNG  
PHÁT TR  
VÀ  
THAN

Re: Handing over landmarks of the 8,570M2 land  
to United Sweethearts Gament Vietnam Co.,Ltd  
in Nhon trach I Industrial Zone

**MINUTES OF LAND HAND OVER TO  
UNITED SWEETHEARTS GARMENT VIETNAM CO.,LTD**

- Referring to the Decision No. 715/TTg dated Au. 30, 1997 by the Prime Minister in regard to the establishment and approval of the project for investment, construction and doing business of infrastructure in Nhon Trach I industrial Zone on basis of expansion of Tuy Ha A Industrial Zone;
- Referring to the Decision No. 60/ TTg signed on Jan 22,1998 by the Prime Minister regarding the lease of land to Urban and Industrial Zone Development Company - Ministry of Construction to invest, construct and do business of infrastructure in Nhon trach I IZ at Dongnai Province;
- Referring to the Memorandum of Understanding for Land Sub-leasing Contract No.822/CT-HDTLD dated Aug.22, 2001 and the Annex for Land Sub-leasing Contract No...../CT-DT dated Oct.... , 2003 between Urban and Industrial Zone Development Company (Urbiz) and United Sweethearts Garmnet Vietnam Co.,Ltd

Today, Nov. 2003, at Nhon trach I Industrial Zone --Dong Nai province, the participants to this Minutes comprise:

**\* Represented for Urban and Industrial Zone Development Company (URBIZ)**

Land handing over party.

Mr. Nguyen Van Tuong. - Position: Director

**\* Represented for United Sweethearts Garmnet Vietnam Co., ltd.**

Land receiving party.

Mr. Tang King Hua - Position: Director



The two parties have agreed to hand over the landmarks and boundary for the area of 8,570m<sup>2</sup> with the 117m paralleled with road No.3 and 76.52m paralleled with road No.10 ( with the plan attached).

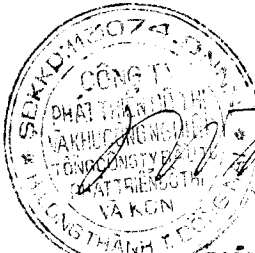
The two parties have checked and confirmed that the landmarks fixed at the actual site are correct as per its plan, assured sufficient area of land. The Sub-lessee is responsible for protecting the landmarks, if there is any problems of the landmarks, it should be advised to Urbiz to solve.

**Related documents attached with this Minutes are:**

1. Explannation of handing over land.
2. Location of land
3. The power, water and waste water connection points shall be followed with those in the Landmarks Hand-over Document No.499/CT-KHDT dated May 30, 2001

This Minutes is made in four Vietnamese and four English copies with the same validity, each Party keeps two Vietnamese copies and two English copies.

**Representative of  
Urban and Industrial Zone  
Development Company**



*[Handwritten signature]*  
GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Cảnh*

**Representative of  
United Sweethearts Garment  
Vietnam Co.,Ltd**



*[Handwritten signature]*  
TANG KING HUA

URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT INVESTMENT CORP.  
**URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT COMPANY**

R.OFFICE: 14 KY DONG STREET - DISTRICT 10 - HO CHI MINH CITY

H.OFFICE : KM 03 - QL.51 - LONG THANH - DONG NAI

TEL: 84.61.831215 FAX: 84.61.831050

\*\*\*\*\*

Dong Nai, October 29, 2003

**EXPLANATION OF LAND HAND-OVER  
TO UNITED SWEETHEARTS (VIETNAM) CO.,LTD**

The land handed over to UNITED SWEETHEARTS (VIETNAM) Expansion in Nhon Trach I Industrial Zone is limited to and defined with concrete marks M1, M2, M3, M4. To place these concrete mark into the conventional coordinates, choose the cross central of road No.3 and road No.10 to be the coordinate root O. Coordinate Oxy would be corresponding to the following: axis Ox is identical to the central line of road No.3, the positive direction is directed towards road No.12; axis Oy is identical to the central line of road No.10, the positive direction is directed towards road No.2. Consequently, these marks are defined as follows:

**POINT M1:**

- Located on the West of road No.10 and  $x=-240.1m$  from the center of road No.10
- Located on the North of road No.3 and  $y=179.45m$  from the center of road No.3

**POINT M2:**

- Located on the West of road No.10 and  $x=-123.1m$  from the center of road No.10
- Located on the North of road No.3 and  $y=179.45m$  from the center of road No.3

**POINT M3:**

- Located on the West of road No.10 and  $x=-123.1m$  from the center of road No.10
- Located on the North of road No.3 and  $y=106.2m$  from the center of road No.3

**POINT M4:**

- Located on the West of road No.10 and  $x=-240.1m$  from the center of road No.10
- Located on the North of road No.3 and  $y=106.2m$  from the center of road No.3

Total area of the land area limited by point : M1, M2, M3 & M4 is  $8.570.25 m^2$

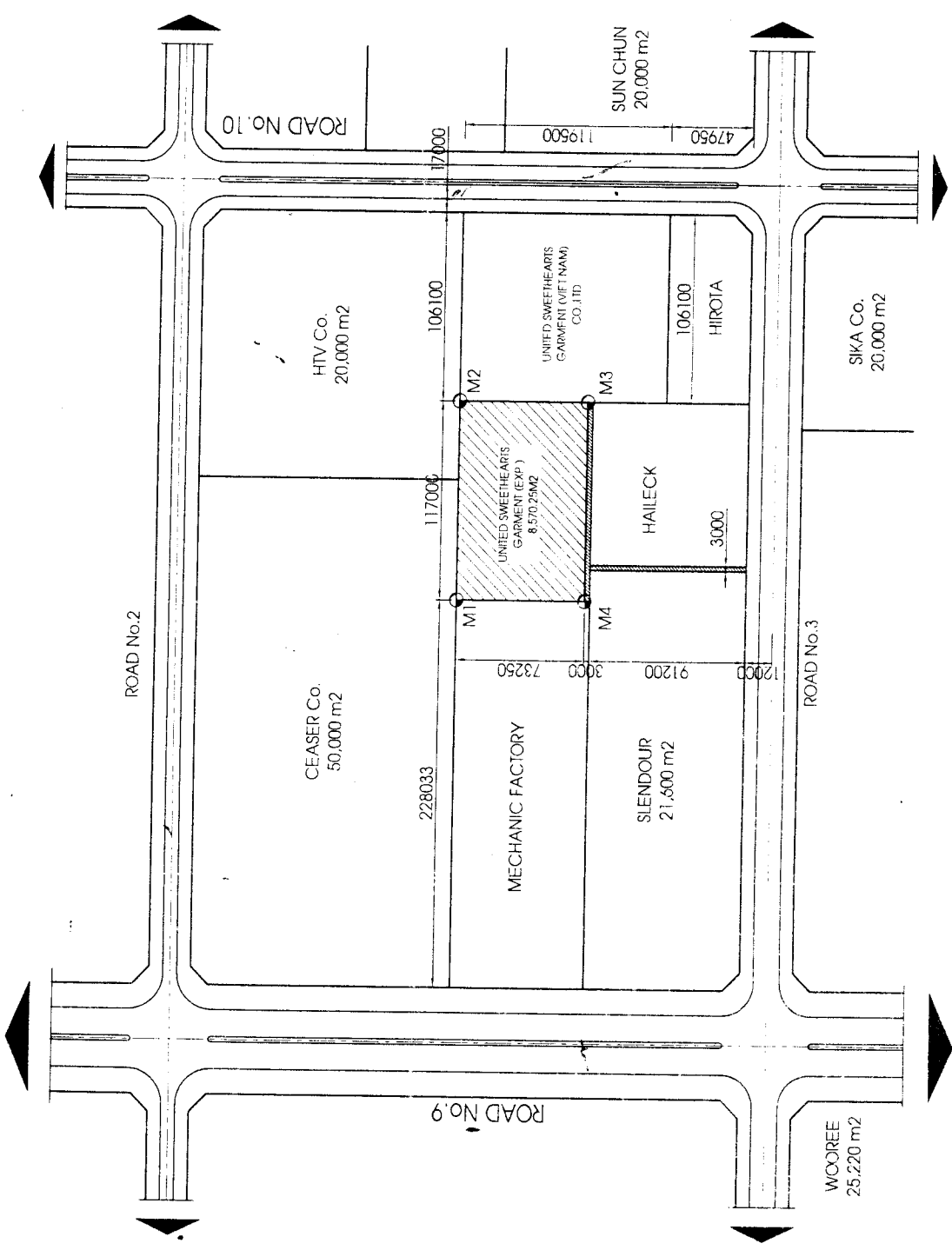
URBIZ Co.



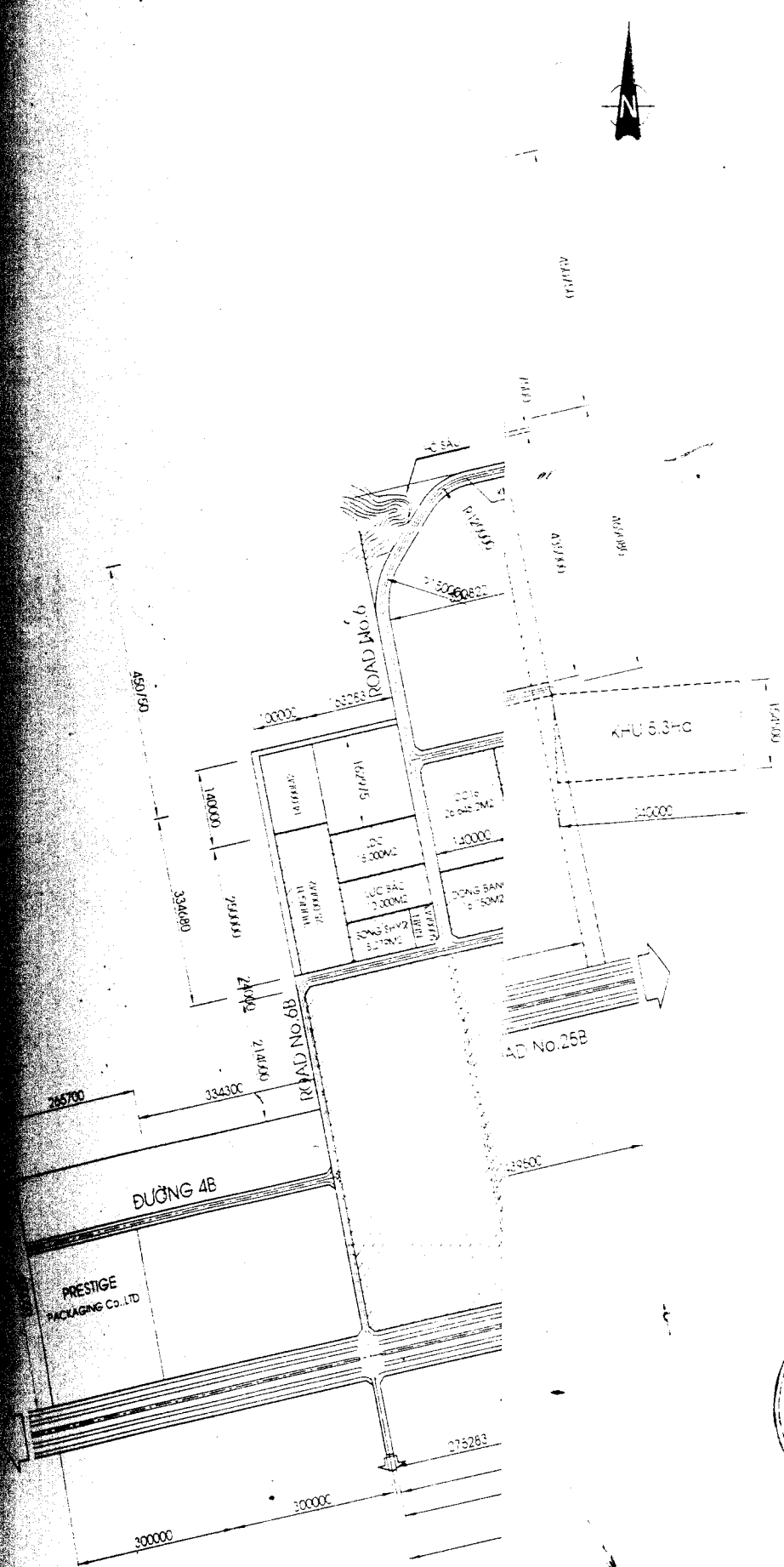
GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Văn Cường*

VI TRÍ KHU ĐẤT CTY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM MỞ RỘNG



THẨM TRA THIẾT KẾ (EXAMINED BY CONSULTANT)	
THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ (APPROVAL BY EMPLOYER)	
MỨC ĐỘ PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)	<input type="checkbox"/> PRELIMINARY <input type="checkbox"/> YOUR APPROVAL <input type="checkbox"/> REFERENCE <input type="checkbox"/> CONTRACTUAL <input type="checkbox"/> WORK IN PROGRESS <input type="checkbox"/> AS-BUILT
CÔNG TY (PROJECT CLIENT)	UNITED SWEETHEARTS GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I TỈNH PỐN C NAI
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	CHỈ TIẾT VỊ TRÍ KHU ĐẤT
THỜI GIAN (DATE)	10/2003
TRƯỜNG (SCHOOL)	02
URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT IN RESIDENTIAL ZONE	
URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT COMPANY	
<b>VRRIX Co.</b>	
OFFICE: KM03 - N. ROAD 61 PHU THUAN, P. HOANG PHU, H. HOANG PHU, T. PHU THUAN, D. HOANG PHU TEL: 061 831050 FAX: 061 831050 E-MAIL: vrrix@vpx.com.vn www.vrrix.vn	
PROJECT MANAGER (P. VRRIX) 	
DESIGNED BY (P. VRRIX) 	
CHECKED BY (M. N. TRIA) 	
ENG. VO ĐINH HƯNG	



THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ  
(EVALUATED AUTHORITIES)

THẨM TRA "THIẾT KẾ"  
(EXAMINED BY CONSULTANT)

THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ  
(APPROVAL OF EMPLOYER?)

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH  
(ISSUED FOR)

- TK SƠ BỘ  PRELIMINARY
- TRÊN DUYỆT  YOUR APPROVAL
- THAM KHẢO  REFERENCE
- THI CÔNG  CONSTRUCTION
- HIỆU CHỈNH  REVISED
- HOÀN CÔNG  ASSUILT

ĐƠN TRẠI PROJECT  
 UNITED SWEETHEARTS  
 GARMENT (VIET NAM) CO., LTD  
 ĐA ĐỀ M: SITE  
 KHU CÔNG NGHIỆP  
 NHƠN TRẠCH  
 TỈNH ĐỒNG NAI  
 BẢN VẼ DRAWING

LOCATION OF THE EXPANSION  
 LAND HAND-OVER  
 TO UNITED SWEETHEARTS  
 GARMENT (VIET NAM) CO., LTD

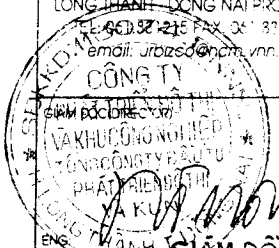
HOÀN THÀNH (COMP. DATE): 01/2000

BẢN VẼ SỐ: 01  
 DRAWING No.

URBAN AND INDUSTRIAL ZONE  
 INVESTMENT DEVELOPMENT CORP  
 URBAN AND INDUSTRIAL ZONE  
 DEVELOPMENT COMPANY

**URBIZ**

R.OFFICE: 14 KY DONG STREET  
 DISTRICT 3 - HOCHIMINH CITY  
 TEL: 08.8438883  
 H.OFFICE: KM03 - N.ROAD 51  
 LONG THANH - DONG NAI PROVINCE  
 TEL: 63.92.215 FAX: 06.92.1050  
 Email: urbiz@dnm.vn.vn



PROJECT MANAGER: Nguyễn Văn Cường

ENG. PHAN CÔNG NHÀN

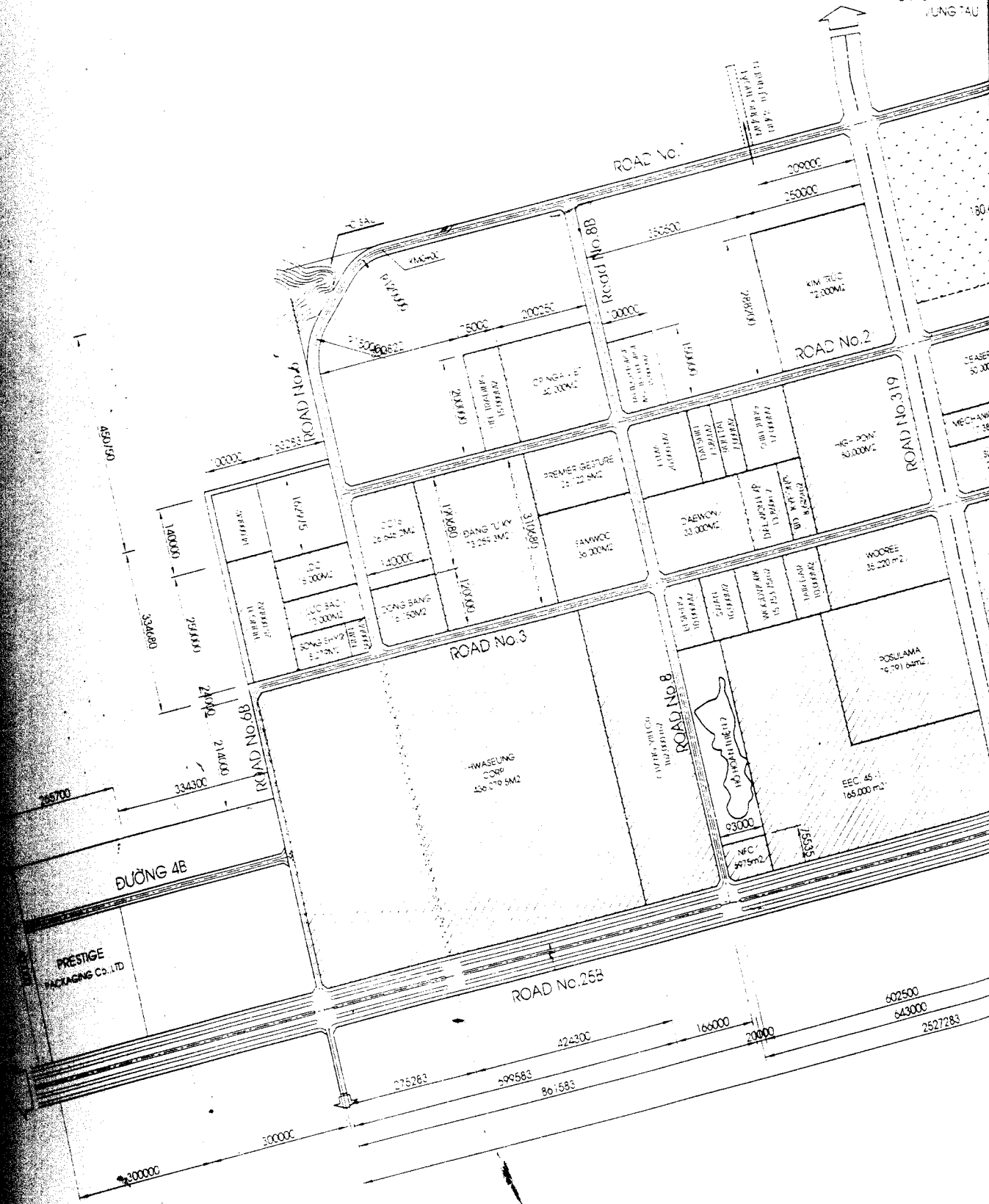
DRAWN BY (VED) *Dell*

ENG. ĐOÀN ĐẮC HIẾU  
 CHECKED BY (KÉM TRÁ)

*Hiep*

# KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I - NHON TRACH I INDUSTRIAL ZONE - DONG LOCATION OF THE EXPANSION LAND TO UNITED SWEETHEARTS GARMENT (VIE

TO EXPRESWA  
-CM CITY - BIEN H  
HUNG TAU





Số: 785/BĐK.KHCNMT

Biên Hòa, ngày 10 tháng 7 năm 2001

**PHIẾU XÁC NHẬN**  
**BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**  
(CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM)

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI**  
**XÁC NHẬN**

**Điều 1.** Công ty TNHH may mặc United Sweethearts Việt Nam đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường vào ngày 20/6/2001 đối với dự án thành lập nhà máy sản xuất sản phẩm quần áo thể thao, sản phẩm may mặc tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Công ty TNHH may mặc United Sweethearts Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, và những yêu cầu đối với Công ty kèm theo phiếu xác nhận này.

**Điều 3.** Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với Công ty tại điều 2 của phiếu xác nhận này, là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện về bảo vệ môi trường của Công ty.

**Điều 4.** Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Công ty phải có báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

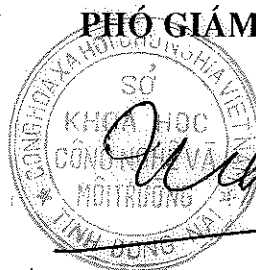
**Nơi nhận :**

- UBND Tỉnh (b/c)
- Chủ dự án  
(thực hiện)
- BQL các KCN
- BGD. Sở
- Lưu VT, P. QLMT

**Đồng kính gửi :**

- Cục Môi trường (b/c)

**KT. GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Văn Hết**

**NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI  
CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM**



Ban hành kèm theo Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 785 /BĐK.KHCNMT ngày 10/7/2001 của Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai)

1. Tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải đối với mặt bằng nhà máy. Tiến hành xử lý nước thải để các loại nước thải của nhà máy được xử lý đạt yêu cầu theo các tiêu chuẩn Nhà nước Việt Nam về môi trường, TCVN 5945-1995, loại B (trong đó lưu ý xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải vệ sinh công nghiệp). Hoàn thành và đưa công trình xử lý nước thải vào sử dụng đồng bộ với hoạt động của nhà máy.
2. Phân loại, thu gom và thải bỏ chất thải rắn hợp vệ sinh, đúng quy định. Soát xét thống kê các dạng chất thải thuộc loại nguy hại (nếu có) theo Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ (về việc ban hành quy chế quản lý chất thải nguy hại), báo cáo Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai khi nhà máy đi vào hoạt động.
3. Xử lý ô nhiễm do tiếng ồn, ô nhiễm không khí đạt tiêu chuẩn quy định (TCVN 1995). Thực hiện biện pháp kiểm soát để tránh tình trạng ô nhiễm có thể xảy ra do bụi bông vải trong môi trường lao động.
4. Tiến hành kiểm tra thực tế về môi trường trong điều kiện nhà máy đang hoạt động sản xuất, để bổ sung chi tiết và hoàn chỉnh các giải pháp bảo vệ môi trường được dự trù thực hiện theo Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
5. Thực hiện chương trình giám sát môi trường đối với hoạt động sản xuất và lưu báo cáo gửi về Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai (theo định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần, kể từ khi nhà máy hoạt động).
6. Hoạt động đúng ngành nghề và quy mô đã đăng ký. Không tiến hành việc nhuộm sản phẩm khi chưa đăng ký thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường tương ứng. Trong trường hợp thay đổi ngành nghề, công nghệ sản xuất, hay mở rộng sản xuất, Công ty phải báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước thẩm quyền xem xét các biện pháp cần thiết về bảo vệ môi trường.



Số: 588 /BĐK-TNMT

Biên Hòa, ngày 24 tháng 7 năm 2006

**PHIẾU XÁC NHẬN**  
**BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**  
Dự án nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao  
của Công ty TNHH may mặc United Sweethearts.

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI**  
**XÁC NHẬN**

- Điều 1.** Công ty TNHH may mặc United Sweethearts đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với dự án nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vào ngày 30/06/2006 (kèm theo Giấy phép đầu tư số 78/GPĐC1-KCN-ĐN ngày 17/05/2005 của Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai).
- Điều 2.** Công ty TNHH may mặc United Sweethearts có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với Công ty được ban hành kèm theo Phiếu xác nhận này.
- Điều 3.** Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với Công ty là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.
- Điều 4.** Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Công ty TNHH may mặc United Sweethearts phải báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai để kiểm tra hiệu quả xử lý về môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động. /..

**Nơi nhận:**

- Bộ TN&MT (để b/c)
- UBND tỉnh (để b/c)
- Ban QL các KCN
- Cty TNHH May. mặc United Sweethearts (để thực hiện)
- Giám đốc, các PGĐ Sở
- Lưu VT, MT (M Hùng, 8b)
- D:MT/CtyMM UnitedSweethearts-KCN.NT1

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Văn Hết**

**NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI C.TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS**

Ban hành kèm theo Phiếu xác nhận số 588 /BĐK-TNMT

ngày 07/07/2006 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai

1. Thực hiện trồng cây xanh với diện tích tối thiểu 15% trên tổng diện tích mặt bằng. Công ty để tạo cảnh quan môi trường và cải thiện điều kiện vi khí hậu trong khuôn viên khu vực.
2. Tuân thủ các Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường được ban hành theo Quyết định số 35/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 25/06/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Quy định về phân vùng môi trường nước và không khí để áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN-2001 trên địa bàn Tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 210/2005/QĐ.UBT ngày 20/01/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai và các quy định có liên quan; cụ thể:
  - Tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải. Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Công ty phải được thu gom và xử lý cục bộ theo hợp đồng thỏa thuận giữa Công ty và Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp, trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1.
  - Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty phải được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn TCVN 6992:2001; 6995:2001 ( $K_v = 0,8$ ) và TCVN 1995:5939 (cột B), 1995:5940.
3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định. Đối với chất thải nguy hại phải được đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/07/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quy chế quản lý chất thải nguy hại và Quyết định số 2582/2001/QĐ.CT.UBT ngày 30/07/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quy định an toàn về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại.
4. Hoạt động đúng với quy mô và phạm vi kinh doanh đã đăng ký (nâng công suất từ 2.500.000 sản phẩm/năm lên 3.250.000 sản phẩm/năm). Trong trường hợp thay đổi hoặc bổ sung mục tiêu hoạt động của dự án, Công ty TNHH may mặc United Sweethearts phải có văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai để xem xét, thẩm định về môi trường.
5. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ (06 tháng/lần) và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát, kiểm tra./.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam, họp ngày 06/11/2015 tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số

01/2017/DTM-USV đề ngày 10/5/2017 của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí: Đường số 10, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Phạm vi: Tổng diện tích đất thực hiện dự án là 31.767 m<sup>2</sup> (trong đó phần diện tích đất để xây dựng công trình mới là 10.408 m<sup>2</sup>)

1.3. Mục tiêu, sản phẩm, công suất: Nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất của Dự án không có công đoạn nhuộm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của Dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành; việc vận chuyển máy móc, thiết bị phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

- Thực hiện thu gom, quản lý toàn bộ lượng chất thải phát sinh bao gồm cả chất thải nguy hại (dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,...) và xử lý đúng theo quy định.

- Thi công, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động của Dự án:

- Đảm bảo toàn bộ nước thải từ Dự án được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận theo thỏa thuận giữa Chủ dự án với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Trạch I, trước khi đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN

Nhơn Trách I để được tiếp tục xử lý đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải vào nguồn tiếp nhận cuối cùng; không được xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn ra môi trường; Bố trí vị trí đầu nổi nước thải thuận tiện cho việc giám sát.

- Đảm bảo các loại khí thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B;  $K_v = 0,8$ ;  $K_p$  theo tổng lưu lượng khí thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Đối với môi trường không khí xung quanh, tuân thủ theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

- Bố trí và sử dụng công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đúng theo quy định; thực hiện thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ; quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ theo quy định hiện hành; cập nhật, lưu giữ số liệu phục vụ kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác: Có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước; tuân thủ quy định về công khai thông tin, dữ liệu môi trường theo quy định.

- Trường hợp các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Quy chuẩn mới.

3. Các điều kiện kèm theo: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Đồn Công an KCN, Công ty đầu tư hạ tầng KCN trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của Dự án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động.

## **Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:**

1. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo

cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

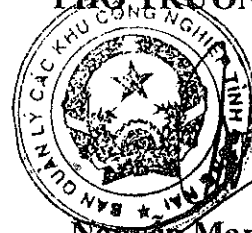
**Điều 4.** Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phối hợp cùng các cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam;
- Lưu VT, MT (NT).

**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Mạnh Văn**

Số: 157/QĐ-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam, họp ngày 06/11/2015 tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số

01/2017/DTM-USV đề ngày 10/5/2017 của Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao giai đoạn 3 từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm” tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí: Đường số 10, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Phạm vi: Tổng diện tích đất thực hiện dự án là 31.767 m<sup>2</sup> (trong đó phần diện tích đất để xây dựng công trình mới là 10.408 m<sup>2</sup>)

1.3. Mục tiêu, sản phẩm, công suất: Nâng công suất nhà máy may mặc quần áo thể thao từ 3.250.000 sản phẩm/năm lên 6.500.000 sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất của Dự án không có công đoạn nhuộm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của Dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành; việc vận chuyển máy móc, thiết bị phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

- Thực hiện thu gom, quản lý toàn bộ lượng chất thải phát sinh bao gồm cả chất thải nguy hại (dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,...) và xử lý đúng theo quy định.

- Thi công, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động của Dự án:

- Đảm bảo toàn bộ nước thải từ Dự án được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận theo thỏa thuận giữa Chủ dự án với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Trạch I, trước khi đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN



Nhon Trạch I để được tiếp tục xử lý đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải vào nguồn tiếp nhận cuối cùng; không được xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn ra môi trường; Bố trí vị trí đầu nối nước thải thuận tiện cho việc giám sát.

- Đảm bảo các loại khí thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B;  $K_v = 0,8$ ;  $K_p$  theo tổng lưu lượng khí thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Đối với môi trường không khí xung quanh, tuân thủ theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

- Bố trí và sử dụng công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đúng theo quy định; thực hiện thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ; quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ theo quy định hiện hành; cập nhật, lưu giữ số liệu phục vụ kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác: Có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước; tuân thủ quy định về công khai thông tin, dữ liệu môi trường theo quy định.

- Trường hợp các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Quy chuẩn mới.

3. Các điều kiện kèm theo: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Đoàn Công an KCN, Công ty đầu tư hạ tầng KCN trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của Dự án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động.

## **Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:**

1. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo

cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phối hợp cùng các cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam;
- Lưu VT, MT (NT).

**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Mạnh Văn**

Số: 102/SĐK-CCBVMT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2015

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 75.000377.T  
(Cấp lần 2)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:**

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam.

Địa chỉ: đường 10, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061.3560706

Fax: 061.3560709

Tài khoản số: 001051382101 tại Ngân hàng HSBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 472043000544 Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/4/2001, chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 04/7/2008.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**IV. Điều khoản thi hành:**

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sổ đăng ký có Mã số QLCTNH: 75.000377.T cấp lần 1 ngày 10/12/2007)./.

**Nơi nhận:**

- Như phần I;
- Sở TN&MT (báo cáo);
- P.ĐKTNMT (phối hợp);
- Lưu: VT, P.KSON(3b).

D/Cuong/SoCNT/nam2015/T3/Sweethearts.doc

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Trần Trọng Toàn**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 75.000377.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 23 tháng 3 năm 2015)

### 1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam.  
Địa chỉ: đường 10, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.  
Điện thoại: 061.3560706 Fax: 061.3560709

Giấy chứng nhận đầu tư số: 472043000544 Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/4/2001, chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 04/7/2008.

### 2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	Rắn	10	08 02 04
2	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	10	08 01 01
3	Chất thải lây nhiễm	Rắn	05	13 01 01
4	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	05	13 01 03
5	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và kim loại nặng	Rắn	01	13 03 02
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	100	16 01 06
7	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	100	17 02 03
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01
<b>Tổng số lượng</b>			<b>251</b>	

**3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Nhóm giấy: thùng carton	Rắn	6.000
2	Vải vụn, chỉ từ khâu may, ống chỉ cuộn	Rắn	30.000
3	Chất thải sinh hoạt	Rắn	20.000
<b>Tổng số lượng</b>			<b>56.000</b>

**4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không****5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;
- Văn bản giải trình;
- Bản sao Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường./.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN IDICO**

Trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Tel: 0613.560.475 - Fax: 0613.560.477

Email: [urbizco@hcm.vnn.vn](mailto:urbizco@hcm.vnn.vn) - Website: [www.idico-urbiz.com.vn](http://www.idico-urbiz.com.vn)



\*\*\*\*\*

# HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

## WASTEWATER TREATMENT CONTRACT

**CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM**  
**ĐỊA ĐIỂM : KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1**

**THÁNG 01/2017**

\*\*\*\*\*

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5800 S. UNIVERSITY AVENUE  
CHICAGO, ILLINOIS 60637  
TEL: (773) 936-3700

# PART OF THE LIST OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS  
530 N. DEARBORN AVENUE  
CHICAGO, ILLINOIS 60610  
TEL: (773) 847-7000

Số: 06 /HĐ-CT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2017

## HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;
- Căn cứ Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000544 chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 06 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, tại văn phòng Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (IDICO-URBIZ), các bên tham gia ký bản Hợp đồng xử lý nước thải bao gồm:

### I. BÊN A: (Bên thuê xử lý)

#### CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM

Trụ sở: Đường số 10, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061.3560706

- Fax: 061.3560709

Mã số thuế: 3600497815

Đại diện: Bà Chua Bee Leng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc theo giấy ủy quyền

### II. BÊN B: (Bên nhận xử lý)

#### CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.560.475

- Fax: 0613.560.477

Mã số thuế: 3600257771

Tài khoản: Tài khoản Việt Nam đồng số: 670.10.000.000.129

Tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai.

Đại diện: Ông Hà Huy Thanh

- Chức vụ: Phó Giám đốc.

Theo giấy uỷ quyền số 52 /UQ-CT ngày 17 tháng 6 năm 2016.

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau đây:





## ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B nhận và xử lý nước thải công nghiệp (sản xuất và sinh hoạt) cho nhà máy của Bên A tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đạt quy chuẩn môi trường cho phép của Nhà nước Việt Nam (cột B, QCVN 40-2011, áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$  và hệ số  $K_f = 0,9$ ).

## ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

Nước thải của Bên A chỉ được tiếp nhận xử lý theo hợp đồng này khi hai hệ thống thoát nước mưa, nước thải nội bộ của Bên A đã được xây dựng riêng biệt và đầu nối tương ứng vào hai hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp.

## ĐIỀU 3: PHÍ XỬ LÝ, THỜI HẠN TÍNH PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

### 3.1 Khối lượng tính phí:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ ghi trên hóa đơn trả tiền nước cho nhà máy của Bên A.

### 3.2 Phí xử lý nước thải

Phí xử lý nước thải chưa bao gồm thuế VAT là **6.730 VNĐ/m<sup>3</sup>**. Phí xử lý nước thải có thể được điều chỉnh lại để phù hợp với tình hình thực tế hoặc trong trường hợp về sau khi Nhà nước điều chỉnh tiêu chuẩn nước thải sau khi xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN và bên B phải thực hiện việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cao hơn so với hiện nay thì hai bên sẽ bàn bạc và thống nhất điều chỉnh lại đơn giá xử lý nước thải phù hợp với quy định hiện hành;

Phí xử lý nước thải được tính kể từ ngày nước thải của **CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM** đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp.

### 3.3 Mức thu phí nước thải

3.3.1 Trường hợp các thông số của nước thải Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đạt quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng này (gọi tắt là Phụ lục 1), mức thu phí nước thải được tính như sau:

$$G = Q \times g + P$$

**G:** Mức thu phí nước thải trong trường hợp chất lượng nước thải đạt quy định tại Phụ lục 1

**Q:** Lượng nước thải tính phí

**g:** Phí xử lý nước thải

**P:** Chi phí phân tích mẫu hàng tháng (Có kèm bảng kê chi phí của đơn vị phân tích)

3.3.2. Trường hợp các thông số của nước thải Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 vượt quá quy định tại Phụ lục 1



kèm theo Hợp đồng này (gọi tắt là Phụ lục 1), mức thu phí nước thải được tính như sau:

$$G_{KD} = Q \times g \times \sum K_1 \times K_2 + P$$

**G<sub>KD</sub>**: Mức thu phí nước thải trong trường hợp chất lượng nước thải không đạt quy định

**Q**: Lượng nước thải tính phí (là lượng nước thải của tháng phát hiện vượt)

**g**: Phí xử lý nước thải

**P**: Chi phí phân tích mẫu hàng tháng (Có kèm bảng kê chi phí của đơn vị phân tích)

**∑K<sub>1</sub>**: Tổng các hệ số K1 tương ứng với các thông số vượt quy định (áp dụng tại Phụ lục 2)

**K<sub>2</sub>**: Hệ số tương ứng với lưu lượng xả thải (áp dụng tại Phụ lục 3)

### 3.4 Phương thức và thời hạn thanh toán:

3.4.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt. Trong trường hợp Bên A thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, lệ phí chuyển khoản sẽ do Bên A thanh toán;

3.4.2 Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên B sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B;

3.4.3 Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam;

3.4.4 Trường hợp Bên A chậm thanh toán theo quy định tại 3.4.2, Bên B có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A cho đến khi Bên A thanh toán hết nợ cho Bên B. Bên A phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho số tiền trả chậm. Bên B không chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải của Bên A trong thời gian ngưng tiếp nhận nước thải.

## **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN**

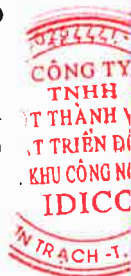
### 4.1 Trách nhiệm của Bên A:

4.1.1 Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo quy định trong Điều 3 của Hợp đồng này;

4.1.2 Đảm bảo vận hành liên tục và có nhật ký vận hành giám sát của hệ thống xử lý nước thải cục bộ tại Nhà máy của Bên A. Các thông số nước thải của Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp không được vượt quá thông số quy định tại Phụ lục 1;

4.1.3 Bên A phải tách triệt để hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa nội bộ, đồng thời phải đấu nối tương ứng vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu công nghiệp;

4.1.4 Không xả thải các chất không phải là nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp;



- 4.1.5 Không pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như không khí và đất;
- 4.1.6 Hợp tác với Bên B khi bên B kiểm tra đột xuất chất lượng nước thải từ Nhà máy Bên A trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp;
- 4.1.7 Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thông số khác so với thông số được quy định tại Phụ lục 1 thì Bên A phải thông báo cho Bên B trước bằng văn bản ít nhất 3 tháng để có những thỏa thuận khác trước khi thực hiện.

## **4.2 Trách nhiệm của Bên B**

- 4.2.1 Thực hiện việc xử lý nước thải như quy định tại Điều 1;
- 4.2.2 Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên A trong phạm vi quy định của Hợp đồng này;
- 4.2.3 Lấy mẫu nước thải tại điểm đầu nối vào KCN có sự chứng kiến của Bên A và gửi mẫu đi phân tích tại phòng thí nghiệm có chức năng 02 lần/ tháng cho các thông số: pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Nitơ tổng, Photpho tổng, Nitơ Amoni, Tổng dầu mỡ.

## **ĐIỀU 5: XỬ LÝ VI PHẠM**

- 5.1 Nếu Bên A vi phạm một trong các quy định tại khoản 4.1.2, 4.1.3, 4.1.4, 4.1.5 của Điều 4, Bên B sẽ lập biên bản đồng thời có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên A phải khắc phục. Sau 15 ngày mà Bên A không chấp hành thì Bên B ra thông báo lần 2, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà Bên A vẫn không chấp hành thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải đồng thời ngưng cung cấp nước sạch cho Bên A;
- 5.2 Trường hợp Bên A vi phạm một trong các quy định trên mà gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, Bên B tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay. Nếu Bên A không chấp hành, Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải và ngưng cung cấp nước sạch; đồng thời Bên A bị xử lý theo quy định của pháp luật và phải thanh toán cho Bên B chi phí phát sinh do những vi phạm đó gây ra;
- 5.3 Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng nước thải của mình trước cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời gian Bên B ngưng tiếp nhận nước thải.

## **ĐIỀU 6: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG**

Thời hạn của Hợp đồng này được tính kể từ 17/01/2017 đến ngày 22/01/2048.

## **ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 7.1 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
- 7.1.1 Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;
- 7.1.2 Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.1 của Hợp đồng này;
- 7.1.3 Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 7.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A vẫn phải trả đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các





## PHỤ LỤC 1

### QUY ĐỊNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TRƯỚC KHI XẢ VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn quy định
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	6 - 8
3	Màu sắc (ở pH=7)	Pt-Co	300
4	Mùi	-	Không khó chịu
5	BOD <sub>5</sub>	mgO <sub>2</sub> /l	300
6	COD	mgO <sub>2</sub> /l	500
7	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
8	Photpho tổng	mg/l	8
9	Tổng nitơ	mg/l	60
10	Nitơ Amonia	mg/l	15
11	Xianua	mg/l	0.1
12	Arsen	mg/l	0.1
13	Thủy ngân	mg/l	0.01
14	Cadmi	mg/l	0.01
15	Chì	mg/l	0.5
16	Crom (VI)	mg/l	0.1
17	Crom (III)	mg/l	1
18	Đồng	mg/l	5
19	Kẽm	mg/l	5
20	Mangan	mg/l	5
21	Niken	mg/l	0.5
22	Sắt	mg/l	10
23	Thiếc	mg/l	5
24	Clorua	mg/l	500
25	Florua	mg/l	15
26	Phenol	mg/l	1
27	Sulfua	mg/l	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
29	Hóa chất bảo vệ thực vật: lân hữu cơ	mg/l	1
30	Hóa chất bảo vệ thực vật: clo hữu cơ	mg/l	0.1
31	PCBs	mg/l	0.01
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0.1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1





**PHỤ LỤC 2**  
**K1 - HỆ SỐ KHI CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI VƯỢT**  
**QUY ĐỊNH TẠI BẢNG PHỤ LỤC 1**

STT	Thông số	Số lần vượt quy định	Hệ số K1
1	Nhiệt độ, Mùi, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Photpho tổng số, Tổng nitơ, Nitơ Amonia	≤ 1,2	1,2
		≤ 1,5	1,4
		≤ 2,0	1,6
		≤ 2,5	1,8
2	Màu sắc (ở pH=7), pH, Mangan, Sắt, Clorua, Florua, Tổng dầu mỡ khoáng	≤ 1,2	2,2
		≤ 1,5	2,6
		≤ 2,0	3,0
		≤ 2,5	3,4
3	Xianua, Arsen, Thủy ngân, Cadmi, Chì, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Thiếc, Phenol, Sulfua	≤ 1,2	4,2
		≤ 1,5	5,0
		≤ 2,0	5,8
		≤ 2,5	6,6
4	Hóa chất bảo vệ thực vật: lân hữu cơ, Hóa chất bảo vệ thực vật: clo hữu cơ, PCBs, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β	≤ 1,2	8,2
		≤ 1,5	9,8
		≤ 2,0	11,4
		≤ 2,5	13,0



**PHỤ LỤC 3**  
**K2 - HỆ SỐ TƯƠNG ỨNG VỚI LƯU LƯỢNG XẢ THẢI**

STT	Lưu lượng xả thải (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)	Hệ số K2
1	≤ 30	1
2	≤ 90	1,4
3	≤ 200	1,8
4	≤ 600	2,2
5	≤ 1000	2,6
6	> 1000	3

No. ~~06~~ / HD-CT

*Dong Nai, January 17, 2017*

## **WASTEWATER TREATMENT CONTRACT**

- Pursuant to Law on Environmental Protection No.55/2014/QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated June 23, 2014;
- Pursuant to Decree No. 80/2014/ND-CP dated August 6<sup>st</sup>, 2014 of the Government stipulating the water drainage and waste water treatment ;
- Pursuant to Circular No. 47/2011/TT-BTNMT dated Dec. 28, 2011 of the Ministry of Natural Resources and Environment on national technical regulations on environment
- Pursuant to the Certificate of Investment No 472043000544, certified change 3<sup>rd</sup> dated Jun. 30, 2015 issued by Dong Nai Industrial Zones Authority for United Sweethearts Garment Viet Nam Co., LTD;

- Pursuant to the demand and ability of the two parties;

Today, at the Head Office of IDICO Urban and Industrial Zone Development Co., Ltd (IDICO-URBIZ), the parties participating to sign this Wastewater Treatment Contract comprise:

### **PARTY A: UNITED SWEETHEARTS GARMENT VIET NAM CO., LTD**

**(Wastewater treatment customer)**

Address: No.10 street, Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province

Telephone : 061.3560706

- Fax : 061.3560709

Tax code: 3600497815

Represented by: Ms. **Chua Bee Leng**

Position: Vice General Director in accordance with the Power of Attormney

### **PARTY B: IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT CO., LTD**

**(Wastewater treatment executor)**

Address: Ton Duc Thang street, Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province

Telephone: 061.3560475

- Fax: 061.3560477

Tax code: 3600257771

Account No: 670.10.000.000.129 for VN dong

at Dongnai Bank for Investment and Development

Represented by: Mr. **Ha Huy Thanh**

Position: Vice Director in accordance with the Power of Attorney No. 52/UQ-CT dated June 17, 2016.

After discussion, two parties have agreed to sign the Wastewater Treatment Contract under the following terms and conditions:



Head office: Ton Duc Thang st, Nhon Trach 1 IZ, Phuoc Thien commune, Nhon Trach Dist, Dong Nai  
Tel: 0613. 560475 ; Fax:0613. 560477  
Email: [urbizco@hcm.vnn.vn](mailto:urbizco@hcm.vnn.vn) ; Website: [idico-urbiz.vn](http://idico-urbiz.vn)



## Article 1: WORK CONTENT

Party B has agreed to receive and treat industrial wastewater (the production and domestic wastewater) of Party A satisfactorily with the environment standards in accordance with the standard of Vietnam Government (at column B, QCVN 40-2011, applicable coefficient  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ ).

## Article 2: CONDITION FOR RECEIVING WASTEWATER

Party A's wastewater shall only be treated in compliance with this contract in case the internal storm drainage and wastewater drainage systems of Party A were built separately and respectively connected into the two drainage systems in the industrial zone.

## Article 3: WASTEWATER TREATMENT CHARGE, TIME AND TERM OF PAYMENT

### **3.1 Wastewater volume to be charged:**

Wastewater volume to be charged is calculated by 80% of the clean water shown on the payment invoice for clean water consumption of Party A.

### **3.2 Wastewater treatment charge**

Wastewater treatment charge is VND 6,730/m<sup>3</sup> (not inclusive of VAT). This charge may be changed in accordance with actual situation or in case the State shall adjust standards of wastewater after treatment at the wastewater treatment plant in the industrial zone and Party B shall carry out such treatment with higher standard than ever before, two parties shall mutually discuss the adjustment of new unit price for such treatment in accordance with current regulations.

The wastewater treatment charge shall be calculated when the storm drainage and wastewater drainage systems of **UNITED SWEETHEARTS GARMENT CO., LTD** are connected into the storm drainage and wastewater drainage systems of industrial zone.

### **3.3 Rate of wastewater treatment charge**

*3.3.1 In case the parameters of polluted substances in wastewater of Party A pouring into Nhon Trach 1 Industrial Zone wastewater system do not exceed the limitations as stipulation shown in the Annex 1 attached to this Contract (called Annex 1), the rate of wastewater treatment charge shall be applied as follows:*

$$G = Q \times g + P$$

**G** : The rate of wastewater charge in case the wastewater quality do not exceed the limitations as stipulation shown in the Annex 1

**Q**: Wastewater volume to be charged

**g**: Wastewater treatment charge

**P**: Expense for monthly sample analysis (attached with the bill of analysis unit)

*3.3.2 In case the parameters of polluted substances in wastewater of Party A pouring into Nhon Trach 1 Industrial Zone wastewater system exceed the limitations as stipulation shown in the Annex attached to this Contract (called Annex 1), the rate of wastewater treatment charge shall be applied as follows:*

$$G_{KB} = Q \times g \times \sum K_1 \times K_2 + P$$



Head office: Ton Duc Thang st, Nhon Trach 1 IZ, Phuoc Thien commune, Nhon Trach Dist, Dong Nai

Tel: 0613. 560475 ; Fax:0613. 560477

Email: [urbizco@hcm.vnn.vn](mailto:urbizco@hcm.vnn.vn) ; Website: [idico-urbiz.vn](http://idico-urbiz.vn)

4.1.7 In case that Party A requests for wastewater treatment have different parameters than parameters are defined in Appendix 1, Party A shall inform Party B in written at least 3 months in advance for other agreements before implement.

#### **4.2 Responsibilities of Party B**

4.2.1 Treating the wastewater in accordance with the Article 1;

4.2.2 Being responsible for environmental authority on the wastewater treatment of Party A in the scope stipulated in this Contract.

4.2.3. Taking wastewater sample at the point of connection into the sewage system of industrial zone with witness of Party A and sending such samples to professional laboratory for analysis. Frequency of taking sample: two times/month. Parameters for analysis include: pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Total nitrogen, Total Phosphorus, Ammonium (as N), Total Mineral fats and oils.

#### **Article 5: VIOLATION SETTLEMENT**

5.1 In case that Party A violates one of the stipulations in sub-clauses 4.1.2, 4.1.3, 4.1.4, 4.1.5 of Article 4, Party B will make a record, at the same time Party B will inform Party A the violation in written and request Party A have to remedy such violations. After 15 days from the date of notice that Party A fails to remedy, Party B will inform the second time. If Party A continues not to remedy the violation within 15 subsequent days from the second notice, Party B will suspend to receive wastewater and suspend to supply clean water for Party A;

5.2 In case that Party A violates one of the above mentioned stipulations that have bad influence on the environment, Party B shall make the Minutes of Violation and demand Party A to remedy forthwith. In case that Party A fails to remedy, Party B will suspend to receive wastewater and suspend to supply clean water for Party A. In this case, Party A will be settled in accordance with stipulations of law and have to pay for Party B all losses and damage arising from such violation caused by Party A;

5.3 Party A have to responsible for quality of wastewater with Concern Authority on environment protection during Party B's suspension of receiving wastewater.

#### **Article 6: CONTRACT DURATION**

Duration of this Contract is counted from *Jan 17* , 2017 to Jan. 22, 2048.

#### **Article 7: TERMINATION OF CONTRACT**

7.1 This Contract shall be terminated in the following cases:

7.1.1 When the validity of the Contract expires in accordance with the Article 6;

7.1.2 Party A fails to fulfill its responsibilities stipulated in sub-clause 4.1 of this Contract;

7.1.3 Two parties agree to pre-terminate the Contract.

7.2 When the contract is terminated, Party A have to make all payments of unpaid charges for Party B and shall be responsible for the wastewater arising from the operation of its factory in Nhon Trach 1 Industrial Zone with the Concern Authorities.



**G<sub>KB</sub>**: Rate of wastewater treatment charge in case the composition and concentration of polluted substances exceed the limitations as stipulation

**Q**: Waste water volume to be charged (waste water volume of the month when the composition and concentration of polluted substances in wastewater exceed the limitations).

**g**: Waste water treatment charge

**P**: Expense for monthly sample analysis (attached with the bill of analysis unit)

$\sum K_1$ : The sum of  $K_1$  coefficients correspond with the parameters which exceed the stipulate (applied in Annex 2)

$K_2$ : Coefficient correspond with waste water discharge volume (applied in Annex 3)

### **3.4 Term and time of payment**

3.4.1 Term of payment: In cash or by bank transfer. In case that Party A makes payment by bank transfer, Party A shall bear the expenses for payment;

3.4.2 Time of payment: Every month, Party B shall send the payment claim for the wastewater treatment charge to Party A, and Party A shall be responsible for the payment within 10 days from the date of receipt of the claim of Party B;

3.4.3 Wastewater treatment charge shall be paid by VND;

3.4.4 In case that Party A fails to make payment as stipulated in sub-clause 3.4.2, Party B shall be entitled to suspend to receive the wastewater of Party A until Party A has settled all payments for Party B. Party A shall bear the overdue interest in accordance with the regulation of State Bank of Vietnam for the overdue amount. Party B shall not be responsible for the wastewater quality of Party A during the time of wastewater suspension.

## **Article 4: RESPONSIBILITIES OF EACH PARTY**

### **4.1 Responsibilities of Party A**

4.1.1 Making all payment of wastewater treatment charge in accordance with the Article 3 in this Contract;

4.1.2 Assuring continuous operation and having monitoring operation diary of internal wastewater treatment system in Party A's factory. Parameters of wastewater of Party A allowable to discharge into the wastewater system of industrial zone shall not be exceeded the limitations on the parameters shown in the Annex 1;

4.1.3 Party A must properly separate the wastewater system from storm water system. In addition, the connection of wastewater and storm water systems from factory must be done properly and respectively to the industrial zone storm drainage and wastewater drainage systems;

4.1.4 Not to discharge substance which is not wastewater, storm water into drainage system of industrial zone;

4.1.5 Not to dilute wastewater in order to satisfy with wastewater quality standard or to divert pollution into other environments, such as air and ground;

4.1.6 Supporting Party B to check the quality of wastewater unexpectedly before discharging into the sewage system of the industrial zone;



**Article 8: GENERAL PROVISIONS**

- 8.1 Two parties commit to perform all terms and conditions in this Contract in the spirit of cooperation and understanding. Any supplement or amendment must be approved in written by two parties.
- 8.2 This Contract is made into seven (07) sets; each set comprises one version in English and one version in Vietnamese with the same validity. Party A keeps two sets, Party B keeps three sets. The other two (2) are both submitted to Dong Nai Department of Natural Resources and Environment (01 set) and Dong Nai Industrial Zones Authority (01 set).
- 8.3 This Contract comes into effect from Jan 17, 2017, replacing wastewater treatment contract No. 42A/CT-ĐT dated Mar. 20, 2008 and annex for wastewater treatment contract No. 68/CT-ĐT dated Apr. 04, 2012.

REPRESENTATIVE  
OF PARTY A



Chua Bee Leng

REPRESENTATIVE  
OF PARTY B



Ha Huy Thanh

KT. GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
PHÓ GIÁM ĐỐC



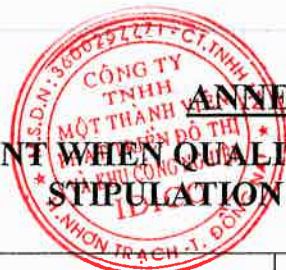
## ANNEX 1

### REGULATION OF INDUSTRIAL WASTEWATER QUALITY PERMITTED TO DISCHARGED INTO GENERAL WASTE WATER SYSTEM OF NHON TRACH 1 INDUSTRIAL ZONE

No.	Parameters	Unit	Maximum limit
1	Temperature	°C	45
2	pH	-	6 - 8
3	Colour (pH=7)	Pt-Co	300
4	Smelling	-	no nasty smell
5	BOD <sub>5</sub>	mgO <sub>2</sub> /l	300
6	COD	mgO <sub>2</sub> /l	500
7	Suspended Solid	mg/l	200
8	Total phosphorus	mg/l	8
9	Total Nitrogen	mg/l	60
10	Ammonium (as N)	mg/l	15
11	Cyanide (CN)	mg/l	0,1
12	Arsenic (As)	mg/l	0,1
13	Mercury (Hg)	mg/l	0,01
14	Cadmium (Cd)	mg/l	0,01
15	Lead (Pb)	mg/l	0,5
16	Chromium (VI)	mg/l	0,1
17	Chromium (III)	mg/l	1
18	Copper (Cu)	mg/l	5
19	Zinc (Zn)	mg/l	5
20	Manganese (Mn)	mg/l	5
21	Nickel (Ni)	mg/l	0,5
22	Iron (Fe)	mg/l	10
23	Tin	mg/l	5
24	Chloride	mg/l	500
25	Fluoride	mg/l	15
26	Phenol	mg/l	1
27	Sulfide (S)	mg/l	1
28	Total Mineral fats and oils	mg/l	5
29	Total organophosphorus pesticides	mg/l	1
30	Total organochlorine pesticides	mg/l	0,1
31	PCBs	mg/l	0,01
32	Gross $\alpha$ activity	Bq/l	0,1
33	Gross $\beta$ activity	Bq/l	1



Head office: Ton Duc Thang st, Nhon Trach 1 IZ, Phuoc Thien commune, Nhon Trach Dist, Dong Nai  
Tel: 0613. 560475 ; Fax:0613. 560477  
Email: [urbizco@hcm.vnn.vn](mailto:urbizco@hcm.vnn.vn) ; Website: [idico-urbiz.vn](http://idico-urbiz.vn)



**ANNEX 2**

**K1 - COEFFICIENT WHEN QUALITY OF WASTEWATER EXCEEDING STIPULATION IN ANNEX 1**

No.	Parameters	The number of times exceed stipulation	K <sub>1</sub> coefficient
1	Temperature, Smelling, BOD <sub>5</sub> , COD, Suspended Solid, Total phosphorus, Total Nitrogen, Ammonium (As N)	≤ 1,2	1,2
		≤ 1,5	1,4
		≤ 2,0	1,6
		≤ 2,5	1,8
2	Colour (pH=7), pH, Manganese (Mn), Iron (Fe), Chloride, Fluoride, Total Mineral fat and oil	≤ 1,2	2,2
		≤ 1,5	2,6
		≤ 2,0	3,0
		≤ 2,5	3,4
3	Cyanide (CN), Arsenic (As), Mercury (Hg), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Chromium (VI), Chromium (III), Copper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Tin (Sn), Phenol, Sulfide (S)	≤ 1,2	4,2
		≤ 1,5	5,0
		≤ 2,0	5,8
		≤ 2,5	6,6
4	Total organophosphorus pesticides, Total organochlorine pesticides, PCBs, Gross α activity, Gross β activity	≤ 1,2	8,2
		≤ 1,5	9,8
		≤ 2,0	11,4
		≤ 2,5	13,0



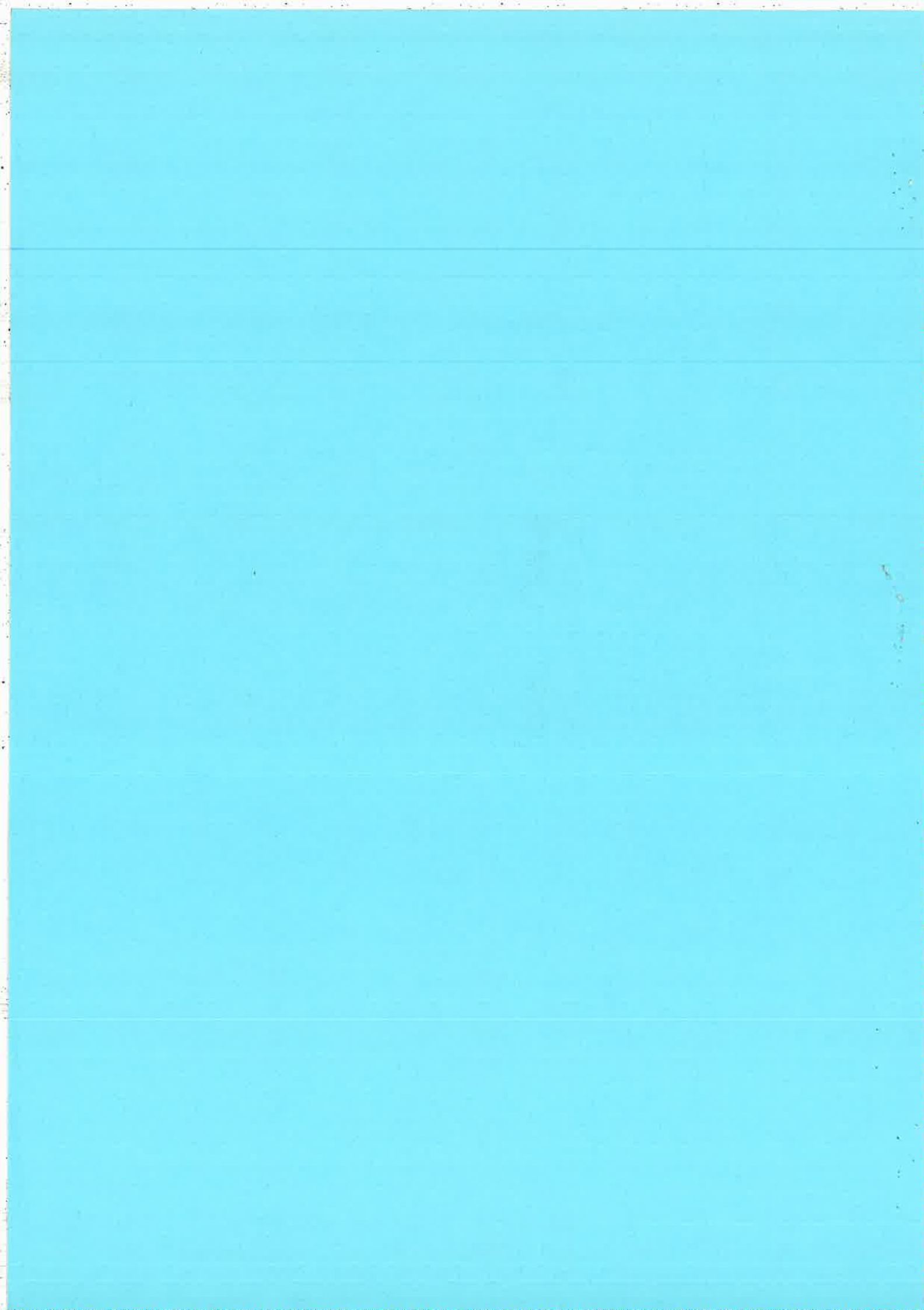
**ANNEX 3**  
**COEFFICIENT CORRESPOND WITH DISCHARGE VOLUME**

No.	Discharge volume (m <sup>3</sup> /day)	K2 Coefficient
1	≤ 30	1
2	≤ 90	1,4
3	≤ 200	1,8
4	≤ 600	2,2
5	≤ 1000	2,6
6	> 1000	3









Số: 136 /CT-ĐT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 9 năm 2018

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;
- Căn cứ Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000544 ngày 30 tháng 06 năm 2015 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam;
- Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 06/HĐ-CT ngày 17/01/2017 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO và Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, tại văn phòng Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (IDICO-URBIZ), các bên tham gia ký bản Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải bao gồm:

### I. BÊN A: (Bên thuê xử lý)

#### CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM

Trụ sở: Đường số 10, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 02513.560.706

- Fax: 02513.560.709

Mã số thuế: 3600497815

Đại diện: Bà Chua Bee Leng

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

### II. BÊN B: (Bên nhận xử lý)

#### CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Trụ sở : Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : 02513.560.475

- Fax: 02513.560.477

Mã số thuế : 3600257771

Tài khoản : Tài khoản Việt Nam đồng số: 670.10.000.000.129

Tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai.

Đại diện: Ông Hà Huy Thanh

- Chức vụ : Phó Giám đốc.

Theo giấy uỷ quyền số 02 /UQ-CT ngày 01 tháng 03 năm 2018.

*Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau đây:*



### **ĐIỀU 1: Điều chỉnh Phí xử lý nước thải**

Điều chỉnh khoản 3.2 của Điều 3 của Hợp đồng xử lý nước thải số 06/HĐ-CT ngày 17/01/2017 như sau:

Phí xử lý nước thải chưa bao gồm thuế VAT là **8.138đ/m<sup>3</sup>**. Phí xử lý nước thải có thể được điều chỉnh lại để phù hợp với tình hình thực tế hoặc trong trường hợp về sau khi Nhà nước điều chỉnh tiêu chuẩn nước thải sau khi xử lý tại nhà máy nước thải tập trung của KCN và bên B phải thực hiện việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cao hơn so với hiện nay thì hai bên sẽ bàn bạc và thống nhất điều chỉnh lại đơn giá xử lý nước thải phù hợp với quy định hiện hành;

Mức phí xử lý nước thải trên được tính kể từ ngày 01/09/2018.

### **ĐIỀU 2: Điều khoản thay thế**

Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng xử lý nước thải số 06/HĐ-CT ngày 17/01/2017;

Các điều khoản không được sửa đổi, bổ sung trong bản Phụ lục này sẽ được thực hiện đúng theo các điều khoản của Hợp đồng xử lý nước thải số 06/HĐ-CT ngày 17/01/2017.

### **ĐIỀU 3: Điều khoản chung**

Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bộ, mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Việt và 01 (một) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bộ, bên B giữ 02 (hai) bộ, đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 (một) bộ;

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2018.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Chua Bee Leng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Hà Huy Thanh



No. *136*/CT-ĐT

*Dong Nai, Sep 28<sup>th</sup>*, 2018

## ANNEX FOR WASTEWATER TREATMENT CONTRACT

- Pursuant to Law on Environmental Protection No.55/2014/QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated June 23, 2014;
- Pursuant to Decree No. 80/2014/ND-CP dated August 6<sup>st</sup>, 2014 of the Government stipulating the water drainage and waste water treatment ;
- Pursuant to Circular No. 47/2011/TT-BTNMT dated Dec. 28, 2011 of the Ministry of Natural Resources and Environment on national technical regulations on environment;
- Pursuant to the Certificate of Investment No 472043000544 dated Jun. 30, 2015 issued by Dong Nai Industrial Zones Authority for United Sweethearts Garment VietNam Co., LTD;
- Pursuant to Wastewater Treatment Contract No. 06/HĐ-CT dated Jan. 17, 2017 between IDICO Urban and Industrial Zone Development Co., LTD and United Sweethearts Garment VietNam Co., LTD;
- Pursuant to the demand and ability of the two parties;

Today, at the Head Office of IDICO Urban and Industrial Zone Development Co., Ltd (IDICO-URBIZ), the parties participating to sign this Annex for Wastewater Treatment Contract comprise:

**PARTY A: UNITED SWEETHEARTS GARMENT VIETNAM CO.,LTD**  
(Wastewater treatment customer)

Address: No 10 street, Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province, Vietnam.

Telephone: 02513.560.706

- Fax: 02513.560.709

Tax code: 3600497815

Represented by: Ms. **Chua Bee Leng**

- Position: General Director

**PARTY B: IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT CO.,LTD**

(Wastewater treatment executor)

Address: Ton Duc Thang street, Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province

Telephone: 0251.3560475

- Fax: 0251.3560477

Tax code: 3600257771

Account No: 670.10.000.000.129 for VN dong

at Dongnai Bank for Investment and Development

Represented by: Mr. **Ha Huy Thanh**

Position: Vice Director in accordance with the Power of Attorney No. 02/UQ-CT dated Mar. 01, 2018.

After discussion, two parties have agreed to sign the Annex for Wastewater Treatment Contract under the following terms and conditions:



**Article 1: Adjust the Wastewater treatment charge:**

Adjust Section 3.2 of Article 3 of Wastewater Treatment Contract No. 06/HĐ-CT dated Jan. 17, 2017 as follows:

Wastewater treatment charge is **VND 8.138/m<sup>3</sup>** (not inclusive of VAT). This charge may be changed in accordance with actual situation or in case the state shall adjust standards of wastewater after treatment at the wastewater treatment plant in the industrial zone and Party B shall carry out such treatment with higher standard than ever before, two parties shall mutually discuss the adjustment of new unit price for such treatment in accordance with current regulations;

The wastewater treatment charge shall be calculated from Sep. 01, 2018.

**Article 2: Provision of replacement:**

This Annex is the inseparable part of the Wastewater Treatment Contract No. 06/HĐ-CT dated Jan. 17, 2017;

Other Articles not to amend in this Annex will be applied in accordance with those of Wastewater Treatment Contract No. 06/HĐ-CT dated Jan. 17, 2017.

**Article 3: General provision**

This Annex Contract is made into 06 (six) sets, each set comprises one version in VietNam and one version in English with the same validity. Party A keeps 02 (two) sets, Party B keeps 02 (two) sets, the other two are both submitted to Dong Nai Department of Natural Resources and Environment (01 set) and Dong Nai Industrial Zones Authority (01 set).

This Annex Contract comes into effect from Sep. 01,2018

REPRESENTATIVE  
OF PARTY A



**Chưa Béc Leng**

REPRESENTATIVE  
OF PARTY B



**Hà Huy Thanh**



**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số: 106 HĐ. ĐN/VAE-2024

*V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ký ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 01 năm 2024, đại diện hai Bên gồm:

**BÊN A : CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEART VIỆT NAM**

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Điện thoại : 02513. 560706 Fax: 02513. 560 709

Mã số thuế : 3600497815

Đại diện : Ông KIM JIN KYU Chức vụ: Giám đốc điều hành

**BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC**

Địa chỉ : 389 Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP HCM

VPDD : 180B An Tôn, Phường 6, Quận Tân Bình, TP HCM

Điện thoại : 028. 39718680 Fax : 028.39718676

Mã số thuế : 0 3 0 2 4 0 8 1 4 8

Tài khoản số : 141.10.0000.30.536, Ngân hàng BIDV – CN Chợ Lớn, TP HCM

Người đại diện : Ông NGUYỄN NGỌC CHÂU Chức vụ: Giám Đốc

*Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:*

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG & THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- 1.1. Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Bên A theo giấy phép chức năng của Bên B.
- 1.2. Định kỳ thu gom: theo yêu cầu của Bên A và phải báo cho Bên B trước 03 ngày làm việc.
- 1.3. Thời hạn hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- 1.4. Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ tại chủ nguồn thải:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Điều kiện lưu trữ	Phương pháp xử lý
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	Thùng carton	HR-C
02	Giẻ lau, bao tay, vật liệu lọc nhiễm TPHH	18 02 01	Kg	Bao PE	TĐ-C
03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	Thùng can	TĐ-C
04	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	Xếp gọn	OH-TC
05	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	Bao PE	TĐ-C
06	Cặn sơn, sơn và véc ni thải	08 01 01	Kg	Bao PE	TĐ-C
07	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	15 01 09	Kg	Bao PE	TĐ-C
08	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	Kg	Bao PE cột kín 2 lớp	TĐ-C
09	PinẮc quy chì thải	19 06 01	Kg	Xếp gọn	TC-HR-C
10	Dầu mỡ thải	Không áp dụng	Kg	Thùng can	TĐ-C

## **ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG & ĐƠN GIÁ XỬ LÝ**

### **2.1. Số lượng chất thải:**

- Được xác định bằng biên bản giao nhận theo khối lượng thực tế có sự xác nhận của hai Bên.

### **2.2. Đơn giá xử lý:**

- Chi phí xử lý chất thải nguy hại được tính khoán là 18.000.000 VNĐ/năm (Mười tám triệu đồng trên năm) ứng với khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 1.000kg/năm.
- Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao lớn hơn 1.000 kg/năm, thì chi phí xử lý sẽ được tính thêm như sau:

$$(\text{Tổng khối lượng chất thải phát sinh}) \times 10.000 \text{ VNĐ}$$

Ghi chú:

- Tần suất thu gom: 02 lần/năm, thu gom kết hợp với các chủ nguồn thải khác, nếu thu gom nhiều hơn 2 lần/năm thì tính thêm chi phí vận chuyển 2.500.000 đ/lần.
- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý;
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

## **ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

Thanh toán làm 02 đợt :

- Đợt 1: Bên A thanh toán 50% chi phí xử lý với số tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 9.000.000 đ (Chín triệu đồng) sau khi bàn giao chất thải đợt 1.
- Đợt 2: Bên A thanh toán 50% chi phí xử lý với số tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 9.000.000 đ (Chín triệu đồng) sau khi bàn giao chất thải đợt 2.
- Chi phí xử lý chất thải phát sinh được tính khi khối lượng chất thải chuyển giao lớn hơn 1.000 kg/ 01 năm. Chi phí xử lý phát sinh phải được thanh toán cho Bên B sau 07 ngày kể từ khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính không sai sót từ Bên B.

- Nếu Bên A thanh toán chậm trễ, Bên A phải thanh toán chi phí phạt 0.1%/ngày căn cứ trên chi phí chưa thanh toán cho Bên B.

## **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

### ***4.1. Trách nhiệm Bên A:***

- Phải phân loại chất thải thành từng loại riêng biệt cho từng loại chất thải và lưu trữ tại khu vực cố định của Bên A trước khi bàn giao xử lý theo đúng quy định môi trường hiện hành.
- Nếu Bên A không phân loại chất thải theo Điều 1 thì Bên B có quyền từ chối không nhận chất thải.
- Phải thực hiện việc lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu quy định và bàn giao cho Bên B ngay sau khi thu gom chất thải.
- Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ của Bên B thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán chi phí cho Bên B đúng thời hạn theo Điều 2 và Điều 3.

### ***4.2. Trách nhiệm Bên B:***

- Thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải tại kho của Bên A.
- Lưu trữ, xử lý chất thải tại Nhà máy của Bên B (Lô B4 – B21, B5 – B20, Đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh) theo quy định hiện hành.
- Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý triệt để dầu mỡ thừa từ các hoạt động nấu ăn của bên A theo đúng quy định. Bên B cam kết không chuyển giao, bán dầu mỡ thừa thu gom từ bên A cho bất kỳ đơn vị nào khác với bất kỳ lý do gì hay dùng cho mục đích tái chế, sử dụng.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng.
- Không nhận chất thải khi Bên A chưa thanh toán chi phí xử lý của đợt trước.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A trong vòng 15 ngày, tính từ ngày bàn giao chất thải và chứng từ cho Bên B.
- Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của phương tiện, nhân công và hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, bảo quản, xử lý rác thải thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận rác thải do Bên A giao theo đúng hợp đồng, thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo thu dọn sạch sẽ rác thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để rác thải rò rỉ, thải ra môi trường sau khi rác thải đã được vận chuyển ra khỏi bãi tập trung rác của Bên A.
- Công nhân viên Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực Bên A phải đăng ký tại phòng bảo vệ, tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của Bảo vệ hoặc người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải.
- Công nhân viên Bên B khi đến Bên A phải được trang bị và sử dụng Bảo hộ lao động trong quá trình thu gom, vận chuyển rác thải.

## **ĐIỀU 5: ĐIỀU CHỈNH, TẠM NGỪNG HOẶC THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

- Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh hợp đồng:



- Điều chỉnh giá trị Hợp đồng.
  - Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với Hợp đồng đã ký (thay đổi trên 10%).
  - Thay đổi địa điểm lấy rác.
- Hai bên báo trước cho nhau ba ngày làm việc để bàn bạc ký lại Hợp đồng hoặc ghi thêm phụ lục Hợp đồng. Năm ngày sau thời gian này phải giải quyết xong hợp đồng đã điều chỉnh, việc cung ứng dịch vụ thu gom vẫn thực hiện trong thời gian điều chỉnh Hợp đồng.
- Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện Hợp đồng:
- Bên A không thanh toán theo nội dung Hợp đồng.
  - Bên B cung ứng dịch vụ không đạt theo yêu cầu chất lượng, vi phạm các quy định trong quá trình thu gom.
  - Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.
- Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng với điều kiện hai Bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

#### **ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp, thì sẽ cùng bàn bạc, thương lượng và hòa giải. Trường hợp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP.Hồ Chí Minh, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí cho các hoạt động kiểm tra, xác minh và án phí do Bên có lỗi chịu.
- Khi có sự thay đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hai Bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**Giám đốc điều hành**  
  
**KIM JIN KYU**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**Giám đốc**  
  
**NGUYEN NGOC CHAU**

Số: 23 -2024/ HĐDV. HTX

## HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(V/v Thu Gom, Vận Chuyển, Xử Lý Rác Thải Sinh Hoạt  
và Rác Thải Công Nghiệp Không Độc Hại )

- Căn cứ vào luật Thương Mại hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Quyết Định 69/UBH – QĐ của UBND huyện Nhơn Trạch ngày 25/02/2002 và ngày 01/03/2002 UBND xã Hiệp Phước ban hành bản quy chế về tổ chức và hoạt động của HTX làm dịch vụ thu gom rác.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại: Văn phòng HTX Hiệp Hòa

**Chúng tôi gồm có:**

### I/ BÊN CÓ YÊU CẦU DỊCH VỤ: (Gọi tắt là bên A)

- Bên A: **CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Đường số 10, KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch ,Đồng Nai
- Điện thoại: (0251)3 560 706
- Mã số thuế: 3600497815
- Đại Diện ông (bà): **KIM JIN KYU** Chức vụ: **Giám Đốc Điều Hành**

### II/ BÊN LÀM DỊCH VỤ: (Gọi tắt là bên B)

- Bên B: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG HIỆP HÒA.**
- Địa chỉ: KP Mỹ Khoan, TT. Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0918 500 939- 0947477939
- Mã số thuế: 3600635286
- Email: [htxhiephoa@gmail.com](mailto:htxhiephoa@gmail.com)
- Số tài khoản: 0481000545263 Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Vietcombank (PGD Long Thành).
- Đại diện ông (bà): **TRẦN THỊ TUYẾT** Chức vụ: **Giám Đốc**

Cùng nhau ký vào bảng hợp đồng với nội dung sau:

## **ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ**

1. Địa điểm lấy rác: tại khu vực chứa rác của bên A.
2. Phương tiện vận chuyển: bằng xe chuyên dùng của bên B.
3. Thời gian lấy rác: Từ 7h 30' sáng đến 17 giờ
4. Số lần vận chuyển: 1 tuần/ 1 chuyến (Trừ chủ nhật).
5. Khối lượng vận chuyển: Theo khối lượng thực tế tại thời điểm ký hợp đồng
6. Cân rác tại cân điện tử bên A

## **ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN**

### **1) Bên A có trách nhiệm:**

- a. Bên A có trách nhiệm tập trung rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp không độc hại tại khu vực chứa rác hoặc bãi rác cố định của bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho xe bên B ra vào thu gom, vận chuyển.
- b. Cho người giám sát và ký xác nhận số lượng thực tế vận chuyển của bên B.
- c. Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn chi phí vận chuyển rác cho bên B (sau khi nhận được hóa đơn tài chính có kèm theo giấy xác nhận số lượng dịch vụ của bên B vận chuyển rác trong tháng đó).
- d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả của những chất dễ gây cháy, nổ hay các loại hóa chất độc hại, rác thải công nghiệp nguy hại, rác y tế tìm thấy trong khu vực chứa hoặc bãi rác của bên A mà có thể làm nguy hại đến sức khỏe cho người và gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

### **2) Bên B có trách nhiệm:**

- a. Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, và rác thải công nghiệp không độc hại tại khu vực xử lý rác theo quy định của nhà nước.
- b. Trang bị phương tiện thu gom rác, đảm bảo lấy rác như lịch trình đã thỏa thuận giữa hai bên hoặc khi bên A báo trước cho bên B 24h đồng hồ.
- c. Đảm bảo thu gom, vận chuyển sạch lượng rác thải tại vị trí cố định theo mục 1 điều 1 của hợp đồng. Không để rác rơi vãi trên đường vận chuyển về địa điểm xử lý rác tập trung.
- d. Ký xác nhận số lượng hoặc khối lượng vận chuyển vào sổ bên A để làm cơ sở đối chiếu thanh toán trong tháng.

## **ĐIỀU III: ĐƠN GIÁ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN:**

### **1. Đơn giá:**

- 2.000 đ/ 1 Kg (Hai ngàn hai trăm đồng trên một Kilogram)

Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Đơn giá này có thể thay đổi trong thời gian hiệu lực hợp đồng và bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho bên A trước một tháng và sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng theo quy định.

## 2. Hình thức thanh toán:

- Bên A Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản chậm nhất là 10 ngày từ khi nhận hóa đơn
- Nếu sau thời gian quy định mà bên A vẫn chưa thanh toán thì bên B có quyền tạm ngưng thực hiện hợp đồng trước thời hạn đồng thời không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào phát sinh về môi trường của bên A.

## **ĐIỀU IV: CÁC ĐIỀU KHOẢN PHÁT SINH**

- Đối với bên A: Trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng rác tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B biết để điều động thêm xe, thêm chuyên lấy rác ngoài định kỳ đã được thỏa thuận giữa hai bên tại Điều 1 khoản 3 của hợp đồng, bên A phải báo trước 01 ngày cho bên B biết để sắp xếp xe theo các số điện thoại sau: 0947477939 gặp cô Tuyết.
- Đối với bên B: Trong trường hợp phương tiện gặp sự cố đột xuất cần phải thông báo ngay cho bên A biết để tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để rác ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

## **ĐIỀU V: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ KẾT THÚC HỢP ĐỒNG**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày ký kết đến hết **31/12/2024**.
- Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau thì hợp đồng trên xem như chính thức được thanh lý.
- Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc từ ngày lấy rác gần nhất, nếu bên A không tiếp tục giao rác cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý, thì hợp đồng này mặc nhiên không còn giá trị nữa. Bên A phải thanh toán cho bên B đầy đủ chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác phát sinh trước đó đã được hai bên xác nhận khối lượng thực hiện.

## **ĐIỀU VI: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết nghiêm túc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thương lượng trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi và lập theo phụ lục hợp đồng hai bên.
- Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra tòa án Đồng Nai để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện trả.
- Bên nào vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

**Bên A**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Giám Đốc Điều Hành**



**KIM JIN KYU**

**Bên B**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Giám Đốc**



**TRẦN THỊ TUYẾT**

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại có thể tái chế  
(Số: 01/HĐKT/QK – 2024)

- Căn cứ Luật Quản lý Ngoại Thương số 05/2017/QH14 ngày 12/06/2017 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309592778 của Công ty TNHH Một thành viên May mặc Quốc Khang, đăng ký lần đầu ngày 07/01/2010, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 16/06/2015 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp;
- Căn cứ vào chức năng và năng lực của Công ty TNHH Một thành viên May mặc Quốc Khang và nhu cầu của Công Ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại có thể tái chế

Hôm nay ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại văn phòng Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam. Hai bên chúng tôi gồm:

**BÊN A : CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM**  
Địa chỉ : Đường 10, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiển, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.  
Điện thoại : 02513. 560 706 Fax : 02513. 560 709  
Mã số thuế : 3600497815  
Đại diện : (Ông) KIM JIN KYU Chức vụ : Giám đốc điều hành

**BÊN B : CÔNG TY TNHH MTV MAY MẶC QUỐC KHANG**  
Địa chỉ : 266/26/7 Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : 058. 232228  
Mã số thuế : 0309592778  
Đại diện : (Ông) HUỖNH THẾ QUỐC Chức vụ : Giám Đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại có thể tái chế (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) với các điều khoản cụ thể như sau:

### **ĐIỀU 1: NỘI DUNG & THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- 1.1 Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại có thể tái chế (sau đây gọi là “**Rác thải**”) phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất theo yêu cầu của Bên A.
- 1.2 Địa điểm chuyển giao rác thải: Tại bãi tập trung rác thải của Bên A (cùng địa chỉ trên)
- 1.3 Phương tiện vận chuyển: bằng xe chuyên dùng của Bên B theo quy định Pháp luật.
- 1.4 Thời gian vận chuyển: từ 07h15 sáng đến 04h00 chiều các ngày trong tuần, trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết, Chủ nhật

- 1.5 Số lần vận chuyển: hằng ngày hoặc theo đề nghị của Bên A qua điện thoại đến Bên B trong vòng 24 giờ, trong trường hợp khối lượng rác thải phát sinh tăng, giảm lớn
- 1.6 Khối lượng vận chuyển: theo khối lượng thực tế tại thời điểm thu gom
- 1.7 Thời hạn hợp đồng: từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

## **ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

### **Trách nhiệm của Bên A:**

- 2.1 Bên A phân loại và chứa rác thải vào bao nylon cột kín miệng hoặc thùng chứa rác chuyên dụng, sau đó tập trung rác tại khu vực chứa rác cố định của Bên A,
- 2.2 Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B ra vào thu gom và vận chuyển, Bên A cử người giám sát quá trình thu gom rác thải,
- 2.3 Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu phát hiện những chất dễ gây cháy nổ, hóa chất độc hại, chất thải nguy hại, rác thải y tế tìm thấy trong lượng rác thải chuyển giao cho bên B mà có thể làm nguy hại đến sức khỏe và gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh,
- 2.4 Sau khi vận chuyển hết số rác thải theo yêu cầu của Bên A, đại diện các Bên phải cùng ký vào Biên bản xác nhận khối lượng để làm cơ sở thanh toán và thanh lý hợp đồng sau này,
- 2.5 Cung cấp phiếu xuất kho rác thải và bàn giao cho Bên B trước khi vận chuyển ra khỏi phạm vi bãi tập trung rác thải của Bên A.

### **Trách nhiệm của Bên B:**

- 2.6 Cung cấp cho Bên A hoặc các bên liên quan (khi có thông báo) các giấy tờ, hồ sơ pháp lý cần thiết có liên quan đến hoạt động xử lý và tái chế rác thải công nghiệp không độc hại theo quy định Pháp Luật để chứng minh Bên B xử lý đúng quy trình và quy định.
- 2.7 Bên B và các công ty liên kết để xử lý, tái chế rác thải thuộc Bên B phải đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ Luật Lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động, và Luật Bảo vệ Môi trường hiện hành.
- 2.8 Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của phương tiện, nhân công và hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, bảo quản, xử lý rác thải thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.
- 2.9 Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận rác thải do Bên A giao theo đúng hợp đồng, thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo thu dọn sạch sẽ rác thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.
- 2.10 Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để rác thải rò rỉ, thải ra môi trường sau khi rác thải đã được vận chuyển ra khỏi bãi tập trung rác của Bên A.
- 2.11 Công nhân viên Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực Bên A phải đăng ký tại phòng bảo vệ, tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của Bảo vệ hoặc người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải.
- 2.12 Công nhân viên Bên B khi đến Bên A phải được trang bị và sử dụng Bảo hộ lao động trong quá trình thu gom, vận chuyển rác thải.
- 2.13 Bên B từ chối thu gom hoặc có thể đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu có các loại rác thải không có trong quy định của hợp đồng trộn lẫn trong rác thải công nghiệp Bên A giao cho Bên B.
- 2.14 Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn giá trị Hợp đồng theo Điều 3

### **ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN**

- 3.1 Giá trị hợp đồng khoán: Bên A thanh toán cho Bên B số tiền 5.000.000đ/năm, bao gồm thuế GTGT
- 3.2 Phương thức thanh toán: chuyển khoản hàng năm, trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B giao hóa đơn cho Bên A

### **ĐIỀU 4: ĐIỀU CHỈNH, TẠM NGỪNG HOẶC THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

- 4.1 Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh hợp đồng:
  - 4.1.1 Điều chỉnh giá trị Hợp đồng.
  - 4.1.2 Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với Hợp đồng đã ký (thay đổi trên 10%)
  - 4.1.3 Thay đổi địa điểm lấy rác.
- 4.2 Hai bên báo trước cho nhau ba ngày làm việc để bàn bạc ký lại Hợp đồng hoặc ghi thêm phụ lục Hợp đồng. Năm ngày sau thời gian này phải giải quyết xong hợp đồng đã điều chỉnh, việc cung ứng dịch vụ thu gom vẫn thực hiện trong thời gian điều chỉnh Hợp đồng.
- 4.3 Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện Hợp đồng:
  - 4.3.1 Bên A không thanh toán theo nội dung Hợp đồng
  - 4.3.2 Bên B cung ứng dịch vụ không đạt theo yêu cầu chất lượng, vi phạm các quy định Pháp luật trong quá trình thu gom.
  - 4.3.3 Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.
- 4.4 Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng với điều kiện hai Bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

### **ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí xét xử do bên thua kiện chịu.
- 5.2 Hợp đồng này gồm ba trang, được lập thành hai bản với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên, mỗi bên giữ một bản. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Bất kỳ sự bổ sung hoặc thay đổi nào cho Hợp đồng này chỉ có giá trị nếu được thể hiện bằng văn bản với chữ ký và con dấu của hai bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**Giám đốc điều hành**





**KIM JIN KYU**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**Giám Đốc**



**HUỖNH THẾ QUỐC**

TỈNH/THÀNH PHỐ TP.HCM		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01/USV-VAE/2023/ 1-2-3-4-5-6.077.VX					
1. Chủ CS DV xử lý CTNH 1: Công ty CP Môi Trường Việt Úc						Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.077.VX	
Địa chỉ trụ sở chính : 389 Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP. HCM							
Địa chỉ văn phòng đại diện: 180B An Tôn, P.6, Q.Tân Bình, TP.HCM						ĐT: 028.3971 86 80	
Địa chỉ cơ sở/đại lý: B4-B21, B5-B20, đường số 9 KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP.HCM						ĐT: 028.3766 1530	
2. Chủ CS DV xử lý CTNH 2:.....						Mã số QLCTNH:.....	
Địa chỉ văn phòng:.....						ĐT: .....	
Địa chỉ cơ sở:.....						ĐT: .....	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEART VIỆT NAM						Mã số QLCTNH:	
Địa chỉ văn phòng: KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.						ĐT:02513. 560706	
Địa chỉ cơ sở: KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.						ĐT: 02513. 560706	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	89	HR-C
2	Giẻ lau, bao tay, vật liệu lọc nhiễm TPNH	x			18 02 01	18	TĐ-C
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	114	TĐ-C
4	Cặn sơn, sơn và véc ni thải	x			08 01 01	11	TĐ-C
5	Chất thải lay nhiễm	x			13 01 01	1	TĐ-C
6	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	15	HR-TC-C
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Số hiệu phương tiện:				Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện: 542-6320	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Văn Đoàn						Ký: <i>A. Văn</i> ..... Ngày: 21/04/2023	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....						Ký:..... Ngày: .....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Nhơn Trạch, ngày 21 tháng 04 năm 2023				8. Chủ CS DVXL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 TP.HCM, ngày 24 tháng 04 Năm 2023			
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN THẾ HAI (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							